ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5246.../TB-UBND	*TP. Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 11 năm 2019*

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT
Để thực hiện dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 79/2017/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong;

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Quảng Ngãi.

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại Tờ trình số 899/TTr-TNMT ngày 28/10/2019,

Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi thông báo như sau:

1. Thu hồi đất của UBND xã Tịnh Ấn Tây đang quản lý.

- Diện tích đất dự kiến thu hồi: 100,1 m^2.

- Loại đất: BHK.

- Thuộc thửa đất số 345, thuộc tờ bản đồ khu đất số 3, được cập nhật và biên tập từ tờ bản đồ địa chính số 14, 17, xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi được do Công ty TNHH KT đo đạc địa chính Quảng Ngãi thực hiện năm 2019.

(diện tích, loại đất được chuẩn xác trong quá trình kiểm kê, lập phương án bồi thường và lập thủ tục xin giao đất)

2. Lý do thu hồi đất: Thu hồi đất để thực hiện dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong.

3. Thời gian thông báo thu hồi đất: 90 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo thu hồi đất.

4. UBND xã Tịnh Ấn Tây có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất (nếu có) để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư./.

Nơi nhận:
- Như mục 4;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Phòng: TN và MT, QLĐT TP;
- Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh QN – CNTP;
- C, PVP, CV (TN);
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

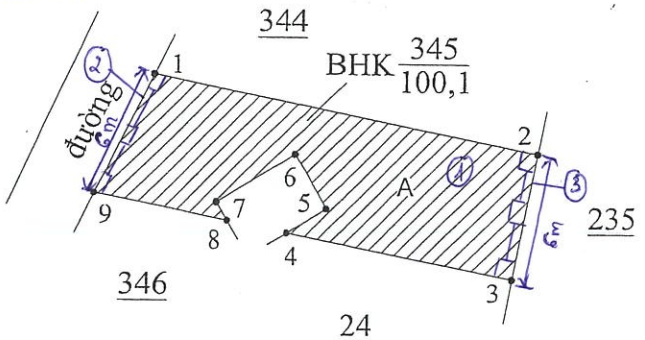
Trần Phước Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU XÁC NHẬN KẾT QUẢ ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG THỬA ĐẤT

1. Thửa đất số: 345 ; Tờ bản đồ địa chính số: 3
2. Đo đạc theo dự án: Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong
3. Đơn vị thi công: Công ty TNHH Kỹ thuật Đo đạc Địa chính Quảng Ngãi
4. Địa chỉ thửa đất:....., xã Tịnh Ấn Tây, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
5. Tổng diện tích đo đạc = (A+B):.....100,1.....m² ; Trong đó:
   ; Diện tích trong ranh giới QH (A):.....100,1.....m² ;Diện tích còn lại (B):.....0,0.....m²
   ; Mục đích sử dụng đất:.....BHK.....
6. Tên người sử dụng đất:.....Ngô Đình Sĩ.....
7. Địa chỉ thường trú:....., xã Tịnh Ấn Tây, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
8. Hình thức sử dụng: chung ☐ , riêng ☑
9. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:
   - Loại giấy tờ hiện có:.....; Diện tích trên giấy tờ:.....m²
   - Tình hình thay đổi ranh giới thửa đất so với khi có giấy tờ:.....
10. Tình hình tranh chấp sử dụng đất: .....
11. Sơ đồ thửa đất:

Thuyết minh: - ① = Giếng đóng bằng ống PVC Ø60, không có: máy bơm điện, động bơm tay, nắp giếng, chiều sâu 12,0m, 1 cái.
- ② = Tường rào móng xây đá chẻ, cột BTCT lắp ghép, tường rào đoạn dưới xây gạch quét vôi, phần trên lắp đặt lưới B40 6 x 2,5 = 15 m²



- ③ = Tường rào cột BTCT lắp ghép, tường lắp kẽm gai: 6 x 1,9 = 11,4 m²

12. Tọa độ và chiều dài cạnh thửa

Cạnh	Chiều dài (m)	Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	17,91		
2 - 3	5,89		
3 - 4	10,51		
4 - 5	2,13		
5 - 6	2,86		
6 - 7	4,23		
7 - 8	0,97		
8 - 9	6,18		
9 - 1	6,09		

Ngày ...../...../2020	Ngày 11/5/2020	Ngày 6/5/2020	Ngày 6/5/2020	
Chủ hộ	Cán bộ Địa chính xã	Người thực hiện	Người kiểm tra	Cty TNHH KTĐĐ ĐC Q.Ngãi KT.Giám đốc Phó Giám đốc
Ngô Đình Sĩ				
Lâm Phương Bình	Kiều Thị Kim Huyền	Tạ Công Thủy	Phạm Đình Linh	

M.S.D.N: 4300354816 C.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐO ĐẠC ĐỊA CHÍNH QUẢNG NGÃI TỈNH QUẢNG NGÃI

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5124./TB-UBND	*TP. Quảng Ngãi, ngày 01. tháng 11. năm 2019*

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT
Để thực hiện dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 79/2017/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong;

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Quảng Ngãi.

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Quảng Ngãi tại Tờ trình số 899/TTr-TNMT ngày 28/10/2019,

Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi thông báo như sau:

1. Thu hồi đất của ông (bà) Nguyễn Thị Nhiều.

- Diện tích đất dự kiến thu hồi: 105,0 m^2.

- Loại đất: BHK.

- Thuộc thửa đất số 346, thuộc tờ bản đồ khu đất số 3, được cập nhật và biên tập từ tờ bản đồ địa chính số 14, 17, xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi, do Công ty TNHH KT đo đạc địa chính Quảng Ngãi thực hiện năm 2019.

(diện tích, loại đất được chuẩn xác trong quá trình kiểm kê, lập phương án bồi thường và lập thủ tục xin giao đất)

2. Lý do thu hồi đất: Thu hồi đất để thực hiện dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong.

3. Thời gian thông báo thu hồi đất: 180 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo thu hồi đất.

4. ông (bà) Nguyễn Thị Nhiều có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi, UBND xã Tịnh Ấn Tây và các đơn vị liên quan thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất (nếu có) để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp ông (bà) Nguyễn Thị Nhiều không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như mục 4;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Phòng: TN và MT, QLĐT TP;
- Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh QN – CNTP;
- C, PVP, CV (TN);
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

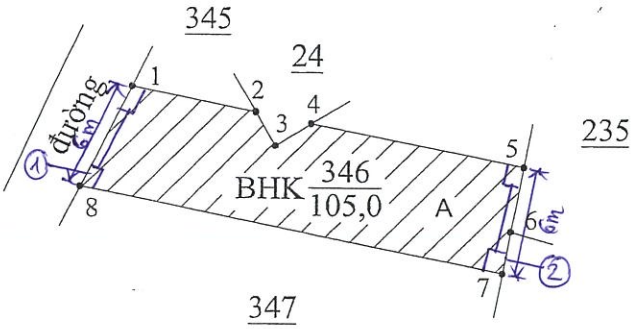
Trần Phước Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU XÁC NHẬN KẾT QUẢ ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG THỬA ĐẤT

1. Thửa đất số: 346 ; Tờ bản đồ địa chính số: 3
2. Đo đạc theo dự án: Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong
3. Đơn vị thi công: Công ty TNHH Kỹ thuật Đo đạc Địa chính Quảng Ngãi
4. Địa chỉ thửa đất:....., xã Tịnh Ấn Tây, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
5. Tổng diện tích đo đạc = (A+B):.....105,0 m² ; Trong đó:
   ; Diện tích trong ranh giới QH (A):.....105,0 m² ;Diện tích còn lại (B):.....0,0 m²
   ; Mục đích sử dụng đất:.....BHK.....
6. Tên người sử dụng đất:.....Ngô Đình Sĩ.....
7. Địa chỉ thường trú:....., xã Tịnh Ấn Tây, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
8. Hình thức sử dụng: chung ☐ , riêng ☑
9. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:
   - Loại giấy tờ hiện có:.....; Diện tích trên giấy tờ:.....m²
   - Tình hình thay đổi ranh giới thửa đất so với khi có giấy tờ:.....
10. Tình hình tranh chấp sử dụng đất: .....
11. Sơ đồ thửa đất:

Thuyết minh: - ① : Tường rào móng xây đá chẻ, cột BTCT lắp ghép, tường rào đoạn dưới xây gạch quết vôi, phần trên lắp đặt lưới B40 : 6 x 1,9 = 11,4 m²



- ② : Tường rào cột BTCT lắp ghép, tường lắp kim gai: 6 x 1,9 = 11,4 m².

12. Tọa độ và chiều dài cạnh thửa

Cạnh	Chiều dài (m)	Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	6,18		
2 - 3	1,91		
3 - 4	2,07		
4 - 5	10,51		
5 - 6	3,23		
6 - 7	2,08		
7 - 8	20,86		
8 - 1	5,48		

Ngày ...../...../2020	Ngày 11/5/2020	Ngày 6/5/2020	Ngày 6/5/2020	
Chủ hộ	Cán bộ Địa chính xã	Người thực hiện	Người kiểm tra	Cty TNHH KTĐĐ ĐC Q.Ngãi KT.Giám đốc Phó Giám đốc
Ngô Đình Sĩ	Lâm Phương Bình	Kiều Thị Kim Huyền	Tạ Công Thủy	Phạm Đình Linh

M.S.D.N: 4300354818 C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐO ĐẠC ĐỊA CHÍNH QUẢNG NGÃI TỈNH QUẢNG NGÃI

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1595.../TB-UBND	*TP. Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 8.. năm 2020*

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT
Để thực hiện dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 79/2017/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong;

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Quảng Ngãi; Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thành phố Quảng Ngãi.

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Quảng Ngãi tại Tờ trình số ..318.../TTr-TNMT ngày 10./8/2020,

Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi thông báo như sau:

1. Thu hồi đất của ông Ngô Đình Sĩ, bà Nguyễn Thị Huỳnh.

- Địa chỉ thường trú: xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi.

- Diện tích đất dự kiến thu hồi: 111,9m^2.

- Loại đất: BHK.

- Thuộc thửa đất số 347, thuộc tờ bản đồ khu đất số 3, được cập nhật và biên tập từ tờ bản đồ địa chính số 14, 17, xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi, do Công ty TNHH KT đo đạc địa chính Quảng Ngãi thực hiện năm 2020.

(diện tích, loại đất được chuẩn xác trong quá trình kiểm kê, lập phương án bồi thường và lập thủ tục xin giao đất)

2. Lý do thu hồi đất: Thu hồi đất để thực hiện dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong.

3. Thời gian thông báo thu hồi đất: 90 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo thu hồi đất.

4. Ông Ngô Đình Sĩ, bà Nguyễn Thị Huỳnh có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi, UBND xã Tịnh Ấn Tây và các đơn vị liên quan thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất (nếu có) để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp ông Ngô Đình Sĩ, bà Nguyễn Thị Huỳnh không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như mục 4;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Phòng: TN và MT, QLĐT TP;
- Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh QN – CNTP;
- C, PVP, CV (TN);
- Lưu VT.

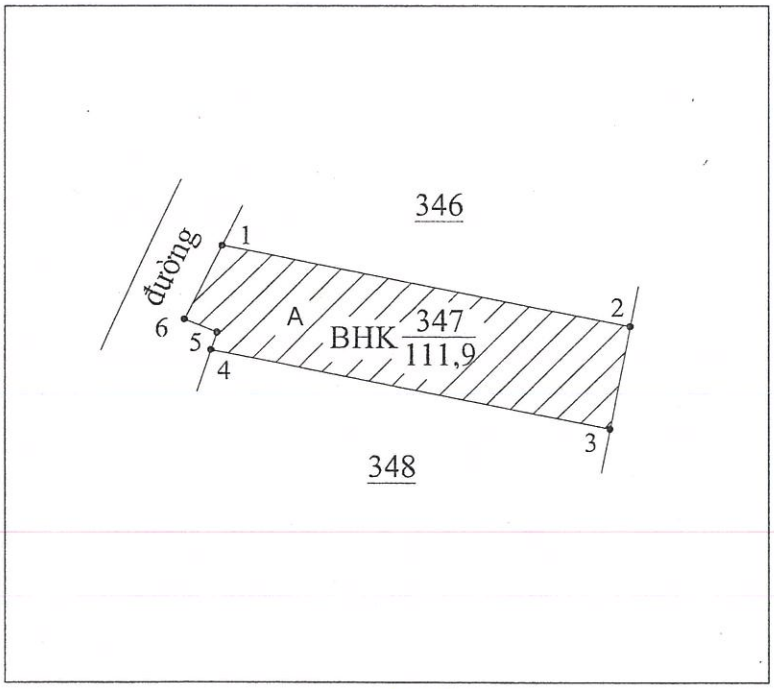
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phước Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU XÁC NHẬN KẾT QUẢ ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG THỬA ĐẤT

1. Thửa đất số: 347 ; Tờ bản đồ địa chính số: 3
2. Đo đạc theo dự án: Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong
3. Đơn vị thi công: Công ty TNHH Kỹ thuật Đo đạc Địa chính Quảng Ngãi
4. Địa chỉ thửa đất:....., xã Tịnh Ấn Tây, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
5. Tổng diện tích đo đạc = (A+B):.....111,9.....m² ; Trong đó:
; Diện tích trong ranh giới QH (A):.....111,9.....m² ;Diện tích còn lại (B):.....0,0.....m²
; Mục đích sử dụng đất:.....BHK.....
6. Tên người sử dụng đất:.....Ngô Đình Sĩ.....
7. Địa chỉ thường trú:....., xã Tịnh Ấn Tây, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
8. Hình thức sử dụng: chung ☐ , riêng ☑
9. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:
   - Loại giấy tờ hiện có:.....; Diện tích trên giấy tờ:.....m²
   - Tình hình thay đổi ranh giới thửa đất so với khi có giấy tờ:.....
10. Tình hình tranh chấp sử dụng đất: .....
11. Sơ đồ thửa đất:



12. Tọa độ và chiều dài cạnh thửa

Cạnh	Chiều dài (m)	Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	20,86		
2 - 3	5,28		
3 - 4	20,36		
4 - 5	0,93		
5 - 6	1,71		
6 - 1	4,17		

Ngày ...../...../2020	*Ngày 11./.5./2020*	*Ngày 6./.5./2020*	*Ngày 6./.5./2020*	
Chủ hộ	Cán bộ Địa chính xã	Người thực hiện	Người kiểm tra	Cty TNHH KTĐĐ ĐC Q.Ngãi KT.Giám đốc Phó Giám đốc
Lâm Phương Bình	*Kiều Thị Kim Huyền*	*Tạ Công Thủy*		*Phạm Đình Linh*

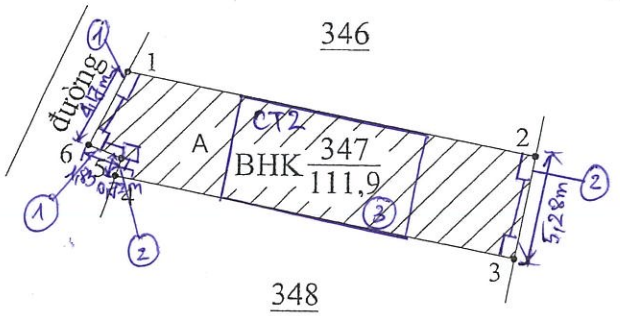
M.S.D.N: 4300354818 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐO ĐẠC ĐỊA CHÍNH QUẢNG NGÃI TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU XÁC NHẬN KẾT QUẢ ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG THỬA ĐẤT

1. Thửa đất số: 347 ; Tờ bản đồ địa chính số: 3
2. Đo đạc theo dự án: Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong
3. Đơn vị thi công: Công ty TNHH Kỹ thuật Đo đạc Địa chính Quảng Ngãi
4. Địa chỉ thửa đất:....., xã Tịnh Ấn Tây, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
5. Tổng diện tích đo đạc = (A+B):.....111,9.....m² ; Trong đó:
   ; Diện tích trong ranh giới QH (A):.....111,9.....m² ;Diện tích còn lại (B):.....0,0.....m²
   ; Mục đích sử dụng đất:.....BHK.....
6. Tên người sử dụng đất:.....Ngô Đình Sĩ.....
7. Địa chỉ thường trú:....., xã Tịnh Ấn Tây, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
8. Hình thức sử dụng: chung ☐ , riêng ☑
9. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:
   - Loại giấy tờ hiện có:.....; Diện tích trên giấy tờ:.....m²
   - Tình hình thay đổi ranh giới thửa đất so với khi có giấy tờ:.....
10. Tình hình tranh chấp sử dụng đất: .....
11. Sơ đồ thửa đất:

Thuyết minh: - ①: Tường rào móng xây đá chẻ, cột BTCT lắp ghép, tường rào đoạn dưới xây gạch quét vôi, phần trên lắp đặt lưới B40: 6 x 1,9 = 11,4 m².
- ②: Tường rào cột BTCT lắp ghép, tường lắp kẽm gai: 6 x 1,9 = 11,4m².



- ③: Chuồng trâu, bò khung gỗ, nền đất, mái lợp ngói (hoặc tôn): 6 x 10,5 = 63m².

12. Tọa độ và chiều dài cạnh thửa

Cạnh	Chiều dài (m)	Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	20,86		
2 - 3	5,28		
3 - 4	20,36		
4 - 5	0,93		
5 - 6	1,71		
6 - 1	4,17		

Ngày ...../...../2020	*Ngày 11./.5./2020*	*Ngày 6./.5./2020*	*Ngày 6./.5./2020*	
Chủ hộ	Cán bộ Địa chính xã	Người thực hiện	Người kiểm tra	Cty TNHH KTĐĐ ĐC Q.Ngãi KT.Giám đốc Phó Giám đốc
Ngô Đình Sĩ				
Lâm Phương Bình	*Kiều Thị Kim Huyền*	*Tạ Công Thủy*		*Phạm Đình Linh*

M.S.D.N: 4300354818 C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐO ĐẠC ĐỊA CHÍNH QUẢNG NGÃI TỈNH QUẢNG NGÃI

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1594.../TB-UBND	*TP. Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 8 năm 2020*

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT
Để thực hiện dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 79/2017/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong;

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Quảng Ngãi; Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thành phố Quảng Ngãi.

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Quảng Ngãi tại Tờ trình số ..318.../TTr-TNMT ngày 10./8/2020,

Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi thông báo như sau:

1. Thu hồi đất của ông Ngô Đình Sĩ, bà Nguyễn Thị Huỳnh.

- Địa chỉ thường trú: xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi.

- Diện tích đất dự kiến thu hồi: 109,8m^2.

- Loại đất: BHK.

- Thuộc thửa đất số 348, thuộc tờ bản đồ khu đất số 3, được cập nhật và biên tập từ tờ bản đồ địa chính số 14, 17, xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi, do Công ty TNHH KT đo đạc địa chính Quảng Ngãi thực hiện năm 2020.

(diện tích, loại đất được chuẩn xác trong quá trình kiểm kê, lập phương án bồi thường và lập thủ tục xin giao đất)

2. Lý do thu hồi đất: Thu hồi đất để thực hiện dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong.

3. Thời gian thông báo thu hồi đất: 90 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo thu hồi đất.

4. Ông Ngô Đình Sĩ, bà Nguyễn Thị Huỳnh có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi, UBND xã Tịnh Ấn Tây và các đơn vị liên quan thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất (nếu có) để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp ông Ngô Đình Sĩ, bà Nguyễn Thị Huỳnh không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như mục 4;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Phòng: TN và MT, QLĐT TP;
- Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh QN – CNTP;
- C, PVP, CV (TN);
- Lưu VT.

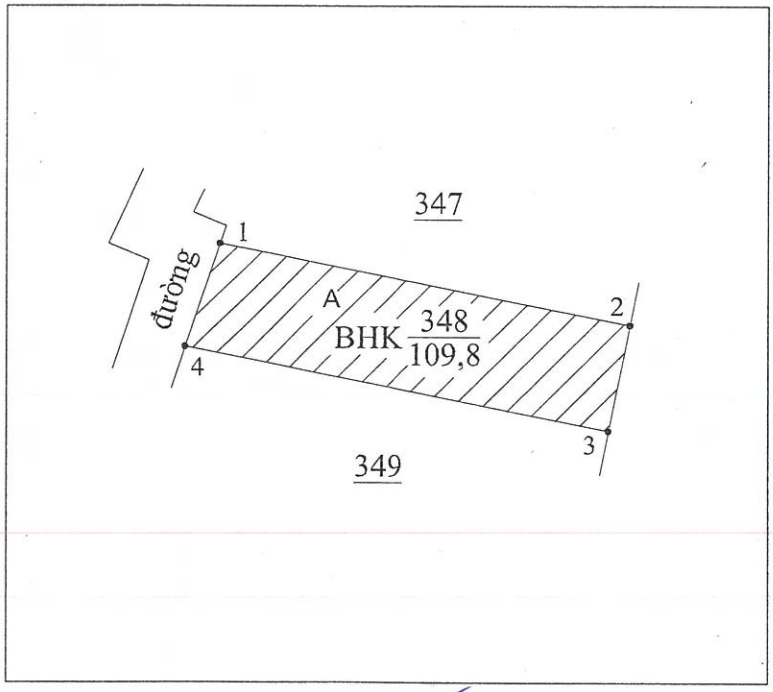
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phước Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU XÁC NHẬN KẾT QUẢ ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG THỬA ĐẤT

1. Thửa đất số: 348 ; Tờ bản đồ địa chính số: 3
2. Đo đạc theo dự án: Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong
3. Đơn vị thi công: Công ty TNHH Kỹ thuật Đo đạc Địa chính Quảng Ngãi
4. Địa chỉ thửa đất:....., xã Tịnh Ấn Tây, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
5. Tổng diện tích đo đạc = (A+B):.....109,8 m² ; Trong đó:
   ; Diện tích trong ranh giới QH (A):.....109,8 m² ;Diện tích còn lại (B):.....0,0 m²
   ; Mục đích sử dụng đất:.....BHK.....
6. Tên người sử dụng đất:.....Ngô Đình Sĩ.....
7. Địa chỉ thường trú:....., xã Tịnh Ấn Tây, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
8. Hình thức sử dụng: chung ☐ , riêng ☑
9. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:
   - Loại giấy tờ hiện có:.....; Diện tích trên giấy tờ:.....m²
   - Tình hình thay đổi ranh giới thửa đất so với khi có giấy tờ:.....
10. Tình hình tranh chấp sử dụng đất: .....
11. Sơ đồ thửa đất:



12. Tọa độ và chiều dài cạnh thửa

Cạnh	Chiều dài (m)	Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	20,36		
2 - 3	5,31		
3 - 4	21,01		
4 - 1	5,35		

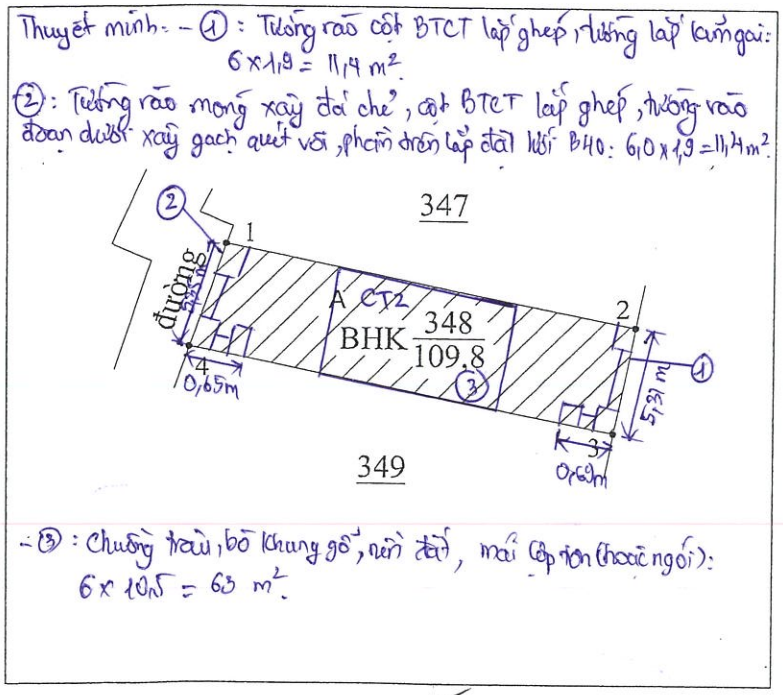
Ngày ...../...../2020	*Ngày 11/5/2020*	*Ngày 6/5/2020*	*Ngày 6/5/2020*	
Chủ hộ	Cán bộ Địa chính xã	Người thực hiện	Người kiểm tra	Cty TNHH KTĐĐ ĐC Q.Ngãi KT.Giám đốc Phó Giám đốc
Ngô Đình Sĩ	*Lâm Phương Bình*	*Kiều Thị Kim Huyền*	*Tạ Công Thủy*	*Phạm Đình Linh*

M.S.D.N: 4300354818 C.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐO ĐẠC ĐỊA CHÍNH QUẢNG NGÃI TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU XÁC NHẬN KẾT QUẢ ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG THỬA ĐẤT

1. Thửa đất số: 348 ; Tờ bản đồ địa chính số: 3
2. Đo đạc theo dự án: Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong
3. Đơn vị thi công: Công ty TNHH Kỹ thuật Đo đạc Địa chính Quảng Ngãi
4. Địa chỉ thửa đất:....., xã Tịnh Ấn Tây, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
5. Tổng diện tích đo đạc = (A+B):.....109,8.....m² ; Trong đó:
   ; Diện tích trong ranh giới QH (A):.....109,8.....m² ;Diện tích còn lại (B):.....0,0.....m²
   ; Mục đích sử dụng đất:.....BHK.....
6. Tên người sử dụng đất:.....Ngô Đình Sĩ.....
7. Địa chỉ thường trú:....., xã Tịnh Ấn Tây, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
8. Hình thức sử dụng: chung ☐ , riêng ☑
9. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:
   - Loại giấy tờ hiện có:.....; Diện tích trên giấy tờ:.....m²
   - Tình hình thay đổi ranh giới thửa đất so với khi có giấy tờ:.....
10. Tình hình tranh chấp sử dụng đất: .....
11. Sơ đồ thửa đất:



12. Tọa độ và chiều dài cạnh thửa

Cạnh	Chiều dài (m)	Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	20,36		
2 - 3	5,31		
3 - 4	21,01		
4 - 1	5,35		

Ngày ...../...../2020	Ngày 11/5/2020	Ngày 6/5/2020	Ngày 6/5/2020
Chủ hộ	Cán bộ Địa chính xã	Người thực hiện	Người kiểm tra
			Cty TNHH KTĐĐ ĐC Q.Ngãi KT.Giám đốc Phó Giám đốc
Ngô Đình Sĩ			
			M.S.D.N: 4300354818 C.T.N.H.H CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐO ĐẠC ĐỊA CHÍNH QUẢNG NGÃI TỈNH QUẢNG NGÃI
Lâm Phương Bình	Kiều Thị Kim Huyền	Tạ Công Thủy	Phạm Đình Linh

ĐẤT Nông nghiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5245.../TB-UBND	*TP. Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 11 năm 2019*

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT
Để thực hiện dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 79/2017/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong;

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Quảng Ngãi.

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại Tờ trình số 899/TTr-TNMT ngày 28/10/2019,

Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi thông báo như sau:

1. Thu hồi đất của UBND xã Tịnh Ấn Tây đang quản lý.

- Diện tích đất dự kiến thu hồi: 180,8 m^2.

- Loại đất: BHK.

- Thuộc thửa đất số 344, thuộc tờ bản đồ khu đất số 3, được cập nhật và biên tập từ tờ bản đồ địa chính số 14, 17, xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi được do Công ty TNHH KT đo đạc địa chính Quảng Ngãi thực hiện năm 2019.

(diện tích, loại đất được chuẩn xác trong quá trình kiểm kê, lập phương án bồi thường và lập thủ tục xin giao đất)

2. Lý do thu hồi đất: Thu hồi đất để thực hiện dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong.

3. Thời gian thông báo thu hồi đất: 90 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo thu hồi đất.

4. UBND xã Tịnh Ấn Tây có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất (nếu có) để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư./.

Nơi nhận:
- Như mục 4;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Phòng: TN và MT, QLĐT TP;
- Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh QN – CNTP;
- C, PVP, CV (TN);
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

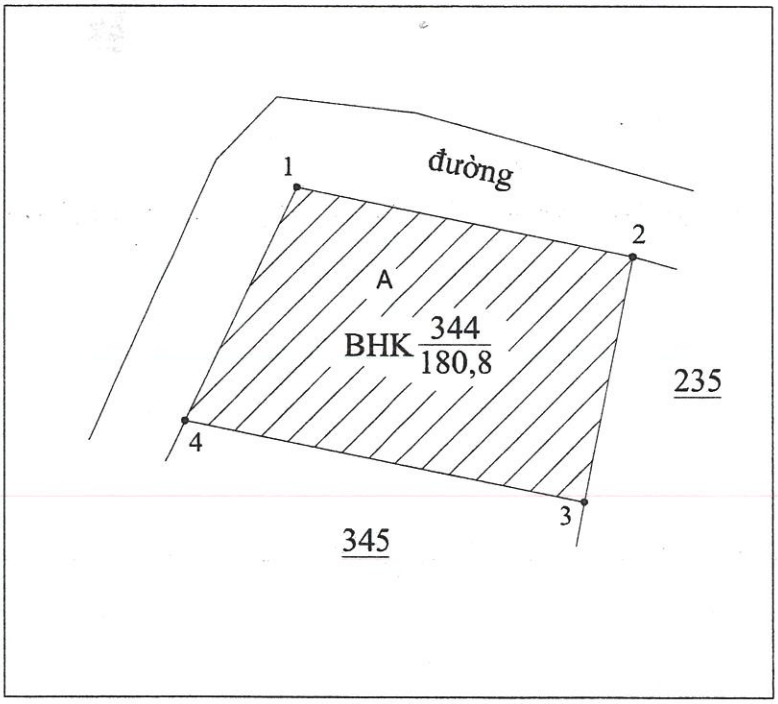
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI T. QUẢNG NGÃI

Trần Phước Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU XÁC NHẬN KẾT QUẢ ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG THỬA ĐẤT

1. Thửa đất số: 344 ; Tờ bản đồ địa chính số: 3
2. Đo đạc theo dự án: Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong
3. Đơn vị thi công: Công ty TNHH Kỹ thuật Đo đạc Địa chính Quảng Ngãi
4. Địa chỉ thửa đất:....., xã Tịnh Ấn Tây, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
5. Tổng diện tích đo đạc = (A+B):.....180,8.....m² ; Trong đó:
; Diện tích trong ranh giới QH (A):.....180,8.....m² ;Diện tích còn lại (B):.....0,0.....m²
; Mục đích sử dụng đất:.....BHK.....
6. Tên người sử dụng đất:.....Ngô Đình Sỹ.....
7. Địa chỉ thường trú:....., xã Tịnh Ấn Tây, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
8. Hình thức sử dụng: chung ☐ , riêng ☑
9. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:
   - Loại giấy tờ hiện có:.....; Diện tích trên giấy tờ:.....m²
   - Tình hình thay đổi ranh giới thửa đất so với khi có giấy tờ:.....
10. Tình hình tranh chấp sử dụng đất: .....
11. Sơ đồ thửa đất:



12. Tọa độ và chiều dài cạnh thửa

Cạnh	Chiều dài (m)	Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	15,03		
2 - 3	10,94		
3 - 4	17,91		
4 - 1	11,37		

Ngày ...../...../20...	Ngày 11./.5./2020	Ngày 6./.5./2020	Ngày 6.../...5/2020	
Chủ hộ	Cán bộ Địa chính xã	Người thực hiện	Người kiểm tra	Cty TNHH KTĐĐ ĐC Q.Ngãi KT.Giám đốc Phó Giám đốc
Ngô Đình Sỹ	Lâm Phương Bình	Kiều Thị Kim Huyền	Tạ Công Thủy	Phạm Đình Linh

M.S.D.N: 4300354818-C.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐO ĐẠC ĐỊA CHÍNH QUẢNG NGÃI
T.P. QUẢNG NGÃI - T. QUẢNG NGÃI

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: **344** , tờ bản đồ số: **17**

b) Địa chỉ: Xã Tịnh ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

c) Diện tích: 180,8m², (bằng chữ: Một trăm tám mươi phẩy tám mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác

e) Thời hạn sử dụng: 10/2066

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-.

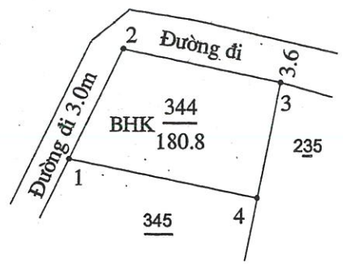
3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Cạnh	Chiều dài (m)
1-2	11.37
2-3	15.03
3-4	10.94
4-1	17.92

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 3 năm 2019

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH QUẢNG NGÃI

Phí Quang Hiển

Số vào sổ cấp GCN: CS 14897

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

212231915981 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: Ngô Đình Sĩ
Năm sinh: **1969,** CMND số: **211118443**
Địa chỉ thường trú: Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà: Nguyễn Thị Huỳnh
Năm sinh: **1967,** CMND số: **211118344**
Địa chỉ thường trú: Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

CQ 153884

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: **348** , tờ bản đồ số: **17**

b) Địa chỉ: Xã Tịnh ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

c) Diện tích: 109,8m², (bằng chữ: Một trăm linh chín phẩy tám mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác

e) Thời hạn sử dụng: 10/2066

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-.

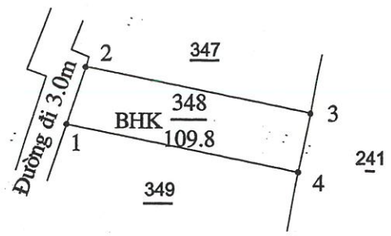
3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Cạnh	Chiều dài (m)
1-2	5.35
2-3	20.36
3-4	5.31
4-1	21.01

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 3 năm 2019

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Phí Quang Hiển

Số vào sổ cấp GCN: CS14892

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

212231915982 2

92

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: Ngô Đình Sĩ
Năm sinh: **1969,** CMND số: **211118443**
Địa chỉ thường trú: Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà: Nguyễn Thị Huỳnh
Năm sinh: **1967,** CMND số: **211118344**
Địa chỉ thường trú: Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

CQ 153806

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: **347** , tờ bản đồ số: **17**

b) Địa chỉ: Xã Tịnh ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

c) Diện tích: 111,9m², (bằng chữ: Một trăm mười một phẩy chín mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác

e) Thời hạn sử dụng: 10/206[illegible]

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-.

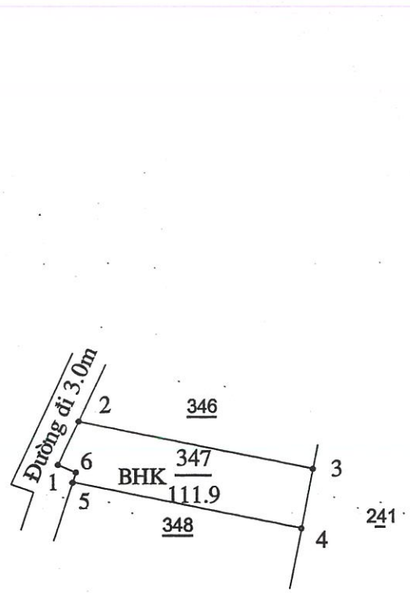
3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Cạnh	Chiều dài (m)
1-2	4.17
2-3	20.86
3-4	5.28
4-5	20.36
5-6	0.93
6-1	1.71

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 3 năm 2019

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH QUẢNG NGÃI

Phí Quang Hiển

Số vào sổ cấp GCN: CS14891

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

212231915982 1

92

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: Ngô Đình Sĩ
Năm sinh: **1969,** CMND số: **211118443**
Địa chỉ thường trú: Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà: Nguyễn Thị Huỳnh
Năm sinh: **1967,** CMND số: **211118344**
Địa chỉ thường trú: Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

CQ 153805

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: **346** , tờ bản đồ số: **17**

b) Địa chỉ: Xã Tịnh ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

c) Diện tích: 105m², (bằng chữ: Một trăm linh năm mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác

e) Thời hạn sử dụng: 10/2066

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-.

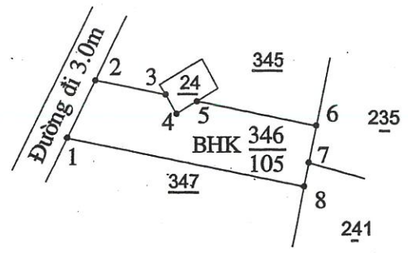
3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Cạnh	Chiều dài (m)
1-2	5.48
2-3	6.18
3-4	1.91
4-5	2.06
5-6	10.52
6-7	3.23
7-8	2.08
8-1	20.86

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 3 năm 2019

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH QUẢNG NGÃI

Phí Quang Hiển

Số vào sổ cấp GCN: CS14889

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

212231915982 0

92

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: Ngô Đình Sĩ
Năm sinh: **1969,** CMND số: **211118443**
Địa chỉ thường trú: Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà: Nguyễn Thị Huỳnh
Năm sinh: **1967,** CMND số: **211118344**
Địa chỉ thường trú: Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

CQ 153804

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: **345** , tờ bản đồ số: **17**

b) Địa chỉ: Xã Tịnh ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

c) Diện tích: 100,1m², (bằng chữ: Một trăm phẩy một mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác

e) Thời hạn sử dụng: 10/2066

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-.

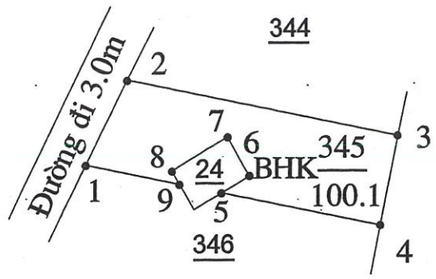
3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Cạnh	Chiều dài (m)
1-2	6.09
2-3	17.92
3-4	5.89
4-5	10.52
5-6	2.14
6-7	2.86
7-8	4.23
8-9	0.97
9-1	6.18

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 3 năm 2019

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Phí Quang Hiển

Số vào sổ cấp GCN: CS14890

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

212231915981 9

04 thửa đất bhtc

92

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: Ngô Đình Sĩ
Năm sinh: **1969,** CMND số: **211118443**
Địa chỉ thường trú: Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà: Nguyễn Thị Huỳnh
Năm sinh: **1967,** CMND số: **211118344**
Địa chỉ thường trú: Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

CQ 153803

Mã dự án: ……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Biểu số: 01)

Tịnh Ấn Tây, ngày 20 tháng 8 năm 2019

BẢNG TỰ KÊ KHAI ĐẤT ĐAI VÀ TÀI SẢN THIỆT HẠI THUỘC PHẠM VI THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG NỐI TỪ CẦU THẠCH BÍCH ĐẾN TỊNH PHONG

Kính gửi: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi.

Họ và tên chủ sử dụng đất và sở hữu tài sản: ..NGÔ..ĐÌNH..SỸ.....; Sinh năm: ...1969.....
Nghề nghiệp:....Nông.....: CMND số:..211118443.. Nơi cấp:..CA Quảng..Ngãi..... .Ngày cấp: 08./02./2017.
Họ và tên vợ (chồng) của chủ sử dụng đất và sở hữu tài sản: ..NGUYỄN..THỊ..HUỲNH.....; Sinh năm: ...1967.....
Nghề nghiệp:.....Nông.....; CMND số:211118344..... Nơi cấp:..CA Quảng..Ngãi..... .Ngày cấp: 08./02./2017.
Địa chỉ thường trú của chủ sử dụng đất và sở hữu tài sản: thôn: ..Cộng Hòa..1...., xã (phường, thị trấn) .Tịnh..Ấn..Tây..... huyện (thành phố) .Tp..Quảng..Ngãi....., tỉnh ..Quảng..Ngãi.....;
Họ và tên người được ủy quyền kê khai *(Nếu có thì ghi rõ họ tên và mối quan hệ với người ủy quyền và phải có Giấy ủy quyền hợp pháp kèm theo)*: .....; Sinh năm: .....
Nghề nghiệp:.....; CMND số:..... Nơi cấp:..... .Ngày cấp: ...../... /.....
Địa chỉ thường trú của người được ủy quyền kê khai: thôn:..TDP..Liên..Hiệp..2C....., xã (phường, thị trấn) ....Trường Quang Trọng huyện (thành phố)..Tp..Quảng..Ngãi..., tỉnh ....Quảng..Ngãi.....;
Thực hiện Thông báo số 5245, 5246, 5124/TB-UBND ngày ..07.. tháng ..11... năm 2019.. của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong. và Thông báo số 5124/TB-UBND ngày 01/11/2019 của UBND Tp Quảng Ngãi

Sau khi nghe đại diện Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi cung cấp, phổ biến và giải thích rõ về các căn cứ pháp lý cho việc thu hồi đất, thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng dự án nói trên.

Tôi xin tự kê khai về đất đai, tài sản hiện có trên thửa đất đang sử dụng nằm trong khu vực thực hiện dự án và đề đạt nguyện vọng về tái định cư như sau:

I/ Về đất đai:

TT	Tờ bản đồ	Số thửa	DT sử dụng (m^2)	DT QH bị thu hồi (m^2)	DT còn lại (m^2)	Loại đất đang sử dụng	Nguồn gốc đất *(Nêu rõ nguồn gốc do đâu mà có)*	Thời điểm bắt đầu sử dụng *(tháng/năm)*	Giấy tờ pháp lý về đất *(Ghi rõ loại giấy tờ, số, ngày cấp, diện tích, loại đất, xứ đồng và photo kèm theo)*	Tình trạng tranh chấp
01	03	344 ~~344~~ ~~413~~	180,8 ~~180,8~~ ~~176,6~~	180,8 ~~180,8~~ ~~176,6~~	0,0	BHK	Nguyễn thửa đất này của bố Nguyễn Thị Nhuần, sau đó chuyển nhượng lại cho ông Ngô Đình Sỹ	2008	CS 14897 cấp ngày 19/03/2019	Không
02	03	345	100,1	100,1	0,0	BHK	-II-	-II-	CS 14890 cấp ngày 19/03/2019	-II-
03	03	346	105,0	105,0	0,0	BHK	-II-	-II-	CS 14889 cấp ngày 19/03/2019	-II-
04	03	347	111,9	111,9	0,0	BHK	-II-	-II-	CS 14891 cấp ngày 19/03/2019	-II-
05	03	348	109,8	109,8	0,0	BHK	-II-	-II-	CS 14892 cấp ngày 19/03/2019	-II-
Tổng cộng:										

Đề nghị Nhà nước thu hồi luôn phần diện tích còn lại của thửa đất:

1. Thửa đất số: ….. , tờ bản đồ: … , diện tích đề nghị: …. m^2; lý do: .....

2. Thửa đất số: ….. , tờ bản đồ: … , diện tích đề nghị: …. m^2; lý do: .....

II/ Về nhà, công trình phục vụ đời sống, sản xuất và công trình khác:

1. Nhà ở, công trình, vật kiến trúc:

325

Mã dự án: .....

(Biểu số: 01)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tịnh Ấn Tây, ngày 20 tháng 8 năm 2020

BẢNG TỰ KÊ KHAI ĐẤT ĐAI VÀ TÀI SẢN THIỆT HẠI THUỘC PHẠM VI THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG NỐI TỪ CẦU THẠCH BÍCH ĐẾN TỊNH PHONG

Kính gửi: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi.

Họ và tên chủ sử dụng đất và sở hữu tài sản: Ngô Đình Sĩ; Sinh năm: 1969

Nghề nghiệp: Nông: CMND số: 211118443 Nơi cấp: Công an Quảng Ngãi Ngày cấp: 08/12/2017

Họ và tên vợ (chồng) của chủ sử dụng đất và sở hữu tài sản: Nguyễn Thị Huyền; Sinh năm: 1968

Nghề nghiệp: Nông; CMND số: 211118344 Nơi cấp: Công an Quảng Ngãi Ngày cấp: 08/12/2017

Địa chỉ thường trú của chủ sử dụng đất và sở hữu tài sản: thôn: Công Hòa 1, xã (phường, thị trấn) Tịnh Ấn Tây huyện (thành phố) Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;

Họ và tên người được ủy quyền kê khai *(Nếu có thì ghi rõ họ tên và mối quan hệ với người ủy quyền và phải có Giấy ủy quyền hợp pháp kèm theo)*: .....; Sinh năm: .....

Nghề nghiệp:.....; CMND số:..... Nơi cấp:..... Ngày cấp: ...../.../.....

Địa chỉ thường trú của người được ủy quyền kê khai: thôn:....., xã (phường, thị trấn) ..... huyện (thành phố)....., tỉnh .....;

Thực hiện Thông báo số 1584, 1585, 1586, 1587, 1594, 1595/TB-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2020 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong.

Sau khi nghe đại diện Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi cung cấp, phổ biến và giải thích rõ về các căn cứ pháp lý cho việc thu hồi đất, thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng dự án nói trên.

Tôi xin tự kê khai về đất đai, tài sản hiện có trên thửa đất đang sử dụng nằm trong khu vực thực hiện dự án và đề đạt nguyện vọng về tái định cư như sau:

I/ Về đất đai:

TT	Tờ bản đồ	Số thửa	DT sử dụng (m^2)	DT QH bị thu hồi (m^2)	DT còn lại (m^2)	Loại đất đang sử dụng	Nguồn gốc đất *(Nêu rõ nguồn gốc do đâu mà có)*	Thời điểm bắt đầu sử dụng *(tháng/năm)*	Giấy tờ pháp lý về đất *(Ghi rõ loại giấy tờ, số, ngày cấp, diện tích, loại đất, xứ đồng và photo kèm theo)*	Tình trạng tranh chấp
06	03	349	100,4	100,4	0,0	ONT +BHK	-//-	-//-	CS 14893 cấp ngày 19/03/2019	-//-
07	03	350	109,9	108,6	1,3	ONT +BHK	-//-	-//-	CS 14894 cấp ngày 19/03/2019	-//-
08	03	351	113,0	105,0	8,0	ONT+BHK	-//-	-//-	CS 14895 cấp ngày 19/03/2019	-//-
09	03	352	115,9	100,8,	15,1	ONT +BHK	-//-	-//-	CS 14896 cấp ngày 19/03/2019	-//-
Tổng cộng:										

Đề nghị Nhà nước thu hồi luôn phần diện tích còn lại của thửa đất:

1. Thửa đất số: ….. , tờ bản đồ: … , diện tích đề nghị: …. m^2; lý do: .....
2. Thửa đất số: ….. , tờ bản đồ: … , diện tích đề nghị: …. m^2; lý do: .....

II/ Về nhà, công trình phục vụ đời sống, sản xuất và công trình khác:

1. Nhà ở, công trình, vật kiến trúc:

TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Mô tả sơ bộ kết cấu loại nhà, công trình	Diện tích (m^2)	Thời điểm xây dựng *(tháng/năm)*	Giấy tờ pháp lý *(Ghi loại giấy tờ)*	Ghi chú

III/ Về cây cối hoa màu:

TT	Loại cây cối hoa màu	ĐVT	Số lượng	Thời gian trồng cây	Số thửa	Tờ bản đồ	Ghi chú

TT	Loại cây cối hoa màu	ĐVT	Số lượng	Thời gian trồng cây	Số thửa	Tờ bản đồ	Ghi chú

IV/ Về mồ mả:

TT	Loại mộ	Thời gian mai táng	ĐVT	Số lượng	Số thửa	Tờ BĐ	Ghi chú
1)	Mộ đất, không có bia.	Trước 1975.	cái	01	412	3	

V/ Về nhân khẩu, độ tuổi, nghề nghiệp, việc làm; gia đình chính sách *(theo Sổ hộ khẩu gia đình và có giấy tờ chứng minh):*

1. Số Sổ hộ khẩu: 490218547; tên chủ hộ: Nguyễn Thị Dần ; tổng số nhân khẩu thực tế của hộ tại thời điểm kê khai: ....05.....người;

2. Số nhân khẩu của hộ còn trong độ tuổi lao động (Nam từ 18 đến 60 tuổi, Nữ từ 18 đến 55 tuổi) có nhu cầu được đào tạo nghề, chuyển đổi nghề ..... người và xin việc làm: ..... người; cụ thể.

TT	Họ và tên nhân khẩu có trong hộ	Giới tính	Năm sinh	Quan hệ với chủ hộ	Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Tình trạng việc làm	Hưởng lương NSNN	Nguyện vọng		Ghi chú
									Xin việc	Học nghề	
01	Nguyễn Thị Dần	Nữ	1931	Chủ hộ							
02	Ngô Đình Sĩ	Nam	1969	Con							
03	Nguyễn Thị Huỳnh	Nữ	1967	Con dâu							
04	Ngô Văn Thưởng	Nam	1991	Cháu							
05	Ngô Thị Như Thúc	Nữ	1996	Cháu							

3. Gia đình chính sách *(Ghi cụ thể: Liệt sỹ, thương bệnh binh, hộ nghèo,..; số sổ, hạng thương binh, quan hệ với người kê khai)*: .....

VI/ Nguyện vọng về tái định cư: *Đánh dấu (X) vào 1 trong 3 ô đăng ký dưới đây, ô không đăng ký thì ghi (0).*

- Vào Khu tái định cư tập trung theo quy hoạch: ☐ .....
- Nhận tiền hỗ trợ để tự lo chỗ ở (tái định cư tự do): ☐ ; trong tỉnh Quảng Ngãi: .....; ngoài tỉnh Quảng Ngãi: .....
- Dịch chuyển về phần đất ở còn lại: ☐ ; diện tích còn lại của thửa đất ở là: Đất ở: ..... m^2, đất vườn: .....m^2.

VII/ Ý kiến của chủ hộ liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

.....Tôi xác nhận số cây và hoa màu đã kiểm kê như trên Biên Bản đã có.....

.....

.....

VIII/ Các giấy tờ đính kèm:

1. Giấy CN-QSDĐ (bản photocophy) ☑
2. Sổ hộ khẩu (bản photocophy) ☑
3. Chứng minh nhân dân (bản photocophy) ☑
4. Giấy tờ khác: .....

Tôi xin cam kết nội dung tự khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã kê khai. Đề nghị Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông xem xét, kiểm tra nội dung kê khai và thực hiện kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất, xác định nguồn gốc đất đai để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư./.

Người hướng dẫn kê khai	**Chủ sở hữu tài sản** **hoặc người đại diện được ủy quyền** *(Ký, ghi rõ họ tên)*
Đỗ Tiến Minh Đăng	Nguyễn Đình Kỳ

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT
Số: ...../BBKK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Tịnh Ấn Tây, ngày 20 tháng 8 năm 2020

(Biểu số: 04)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI VÀ TÀI SẢN BỊ THIỆT HẠI KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG NỐI TỪ CẦU THẠCH BÍCH ĐẾN TỊNH PHONG

Căn cứ Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định về bồi thường và hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 50a/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định về đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định mật độ cây trồng, đơn giá và nguyên tắc bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 5245, 5246../TB-UBND ngày ..07../.11.../.2019..... của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong; và Thông báo số 5124/TB-UBND ngày 01/11/2019, thông báo số 1584, 1585, 1586, 1587, 1594, 1595/TB-UBND ngày 14/8/2020

Trên cơ sở Bảng tự kê khai của hộ gia đình, cá nhân; kết quả điều tra, xác minh và đối chiếu với hồ sơ pháp lý về đất đai, tài sản hiện có của chủ sử dụng đất và sở hữu tài sản thuộc phạm vi thu hồi đất để thực hiện Dự án nêu trên.

Hôm nay vào lúc 14 giờ 30 ngày 20... tháng 8.... năm 2020 tại hiện trường thửa đất bị thu hồi của chủ hộ gia đình thuộc: thôn ...Công Hòa I....., xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, chúng tôi tiến hành đo đạc, kiểm kê thực tế xác định diện tích đất và tài sản bị thiệt hại có trên đất bị thu hồi, thống nhất với hộ gia đình lập biên bản nội dung như sau:

I. Thành phần tham gia gồm có:

1. Họ và tên chủ sử dụng đất và sở hữu tài sản: ...Ngô Đình Sĩ.....; Sinh năm: .....1969.....
Nghề nghiệp:...Nông.....; CMND số: 211118443..... Nơi cấp .CA.Quảng Ngãi..... Ngày cấp .08./02./2017.
Họ và tên vợ (chồng) của chủ sử dụng đất và sở hữu tài sản: ..Nguyễn Thị Huỳnh.....; Sinh năm:....1967.....
Nghề nghiệp: ..Nông.....; CMND số: .211118344..... Nơi cấp ...CA.Quảng Ngãi..... ... Ngày cấp .08./02./2017
Địa chỉ thường trú của chủ sử dụng đất và sở hữu tài sản: thôn: ..TDP Liên Hiệp 2C...., xã (phường, thị trấn) .....Trường Quang Trọng.... huyện (thành phố) ....TP. Quảng Ngãi....., tỉnh ...Quảng Ngãi.....;

Họ và tên người được ủy quyền *(Nếu có thì ghi rõ họ tên và mối quan hệ với người ủy quyền và phải có Giấy ủy quyền hợp pháp kèm theo)*: .....; Sinh năm: .....

Nghề nghiệp:.....; CMND số: ..... Nơi cấp: ..... Ngày cấp: ...../.../.....

Địa chỉ thường trú của người được ủy quyền: thôn: ....., xã (phường, thị trấn) ..... huyện (thành phố) ....., tỉnh .....;

2. UBND xã Tịnh Ấn Tây:

- Ông: Nguyễn Ngọc Thanh — Chức vụ: Chủ tịch;
- Ông: Lâm Phương Bình — Chức vụ: Cán bộ địa chính.

** Đại diện Tổ công tác bồi thường, GPMB của UBND xã Tịnh Ấn Tây:*

- Ông: ..... — Chức vụ: .....;
- Ông: Nguyễn Tấn Hải — Chức vụ: Trưởng thôn Cộng Hòa 1;

3. Đại diện Chủ đầu tư và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, GPMB: Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Ngãi

- Ông: Đỗ Vũ Bảo — Chức vụ: Phó Giám đốc Ban;
- Ông: Nguyễn Hải Triều — Chức vụ: Tổ trưởng;
- Ông: Nguyễn Hoàng Trung — Chức vụ: Tổ phó;
- Bà: Nguyễn Thị Quỳnh Trang — Chức vụ: Tổ phó;
- Ông: Dương Song Quân — Chức vụ: Cán bộ trực tiếp kiểm đếm;
- Ông: Đỗ Tiến Minh Đăng — Chức vụ: Cán bộ trực tiếp kiểm đếm;
- Ông: Đỗ Cao Nhậm — Chức vụ: Cán bộ trực tiếp kiểm đếm;
- Ông: Trương Nhất Tuân — Chức vụ: Cán bộ trực tiếp kiểm đếm;
- Bà: Đoàn Thị Hà Vy — Chức vụ: Cán bộ trực tiếp kiểm đếm;
- Ông: Nguyễn Ngọc Giao — Chức vụ: Cán bộ trực tiếp kiểm đếm;
- Ông: Vũ Quang Minh — Chức vụ: Cán bộ trực tiếp kiểm đếm;
- Ông: Đoàn Danh — Chức vụ: Cán bộ trực tiếp kiểm đếm.

4. Đại diện các hộ dân có đất bị thu hồi:

- Ông: Võ Văn Đoàn; tuổi: 55; nghề nghiệp: Hưu trí; thường trú: Thôn Độc Lập, xã Tịnh Ấn Tây.
- Ông: Lý Công Chứng; tuổi: 62; nghề nghiệp: Cán bộ Hợp tác xã; thường trú: Thôn Cộng Hòa 1, xã Tịnh Ấn Tây.
- Ông: Lê Cao Mai; tuổi: 73; nghề nghiệp: Hưu trí; thường trú: Thôn Cộng Hòa 2, xã Tịnh Ấn Tây.

II. Nội dung:

1. Về đất đai:

TT	Theo bản đồ địa chính				Theo bản đồ địa chính khu đất				Diện tích thu hồi (m^2)		Diện tích bồi thường, hỗ trợ (m^2)							Giấy tờ pháp lý	Thời điểm bắt đầu sử dụng theo giấy tờ/ tự kê khai	
	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m^2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m^2)	Loại đất	Trong quy hoạch	Ngoài QH thu hồi luôn	Diện tích đất ở		Diện tích đất nông nghiệp			Diện tích đất phi nông nghiệp không phải là đất ở				
											Bồi thường đất ở	Hỗ trợ như đất ở	Bồi thường	Hỗ trợ	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất	Bồi thường đất	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất			
01	17	344	~~180,8~~	BHK	03	344 ~~344~~ ~~413~~	180,8 ~~180,8~~ ~~176,6~~	BHK	180,8 ~~180,8~~ ~~176,6~~				180,8 ~~180,8~~ ~~176,6~~					Giấy CN-QSDĐ	2009	✓
02	17	345	100,1	BHK	03	345	100,1	BHK	100,1				100,1					Giấy CN-QSDĐ	2009	✓
03	17	346	105,0	BHK	03	346	105,0	BHK	105,0				105,0					Giấy CN-QSDĐ	2009	✓
04	17	347	111,9	BHK	03	347	111,9	BHK	111,9				111,9					Giấy CN-QSDĐ	2009	✓

2. Về nhà, công trình phục vụ đời sống, sản xuất và công trình khác:

2.1. Nhà ở, công trình, vật kiến trúc: Có Bản vẽ mô tả kết cấu, phân cấp và tính toán khối lượng từng hạng mục và Bảng kết quả kiểm tra khối lượng, phân cấp và xác định thời điểm xây dựng nhà, công trình như Biểu số 5 và Phụ lục số 4a kèm theo.

Về thời điểm xây dựng của từng hạng mục nhà, công trình (thứ tự ghi theo bản vẽ) được thống nhất xác định như sau:

TT	**Tên cấp nhà, công trình** *(Theo thứ tự hạng mục của bản vẽ)*	ĐVT	Khối lượng	Thời điểm xây dựng theo giấy tờ tự kê khai	Số thửa	Tờ bản đồ	Ghi chú

II. Nội dung:

1. Về đất đai:

TT	*Theo bản đồ địa chính*				*Theo bản đồ địa chính khu đất*				Diện tích thu hồi (m^2)		Diện tích bồi thường, hỗ trợ (m^2)							Giấy tờ pháp lý	Thời điểm bắt đầu sử dụng theo giấy tờ/ tự kê khai	
	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m^2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m^2)	Loại đất			Diện tích đất ở		Diện tích đất nông nghiệp			Diện tích đất phi nông nghiệp không phải là đất ở				
									Trong quy hoạch	Ngoài QH thu hồi luôn	Bồi thường đất ở	Hỗ trợ như đất ở	Bồi thường	Hỗ trợ	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất	Bồi thường đất	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất			
05	17	348	109,8	BHK	03	348	109,8	BHK	109,8				109,8					Giấy CN-QSDĐ	2009	V
06	17	349	100,4	ONT + BHK	03	349	100,4	ONT + BHK	100,4		100,0		0,4					Giấy CN-QSDĐ	2009	V
07	17	350	109,9	ONT + BHK	03	350	109,9	ONT + BHK	108,6									Giấy CN-QSDĐ	2009	V
08	17	351	113,0	ONT + BHK	03	351	113,0	ONT + BHK	105,0									Giấy CN-QSDĐ	2009	V

2. Về nhà, công trình phục vụ đời sống, sản xuất và công trình khác:

2.1. Nhà ở, công trình, vật kiến trúc: Có Bản vẽ mô tả kết cấu, phân cấp và tính toán khối lượng từng hạng mục và Bảng kết quả kiểm tra khối lượng, phân cấp và xác định thời điểm xây dựng nhà, công trình như Biểu số 5 và Phụ lục số 4a kèm theo.

Về thời điểm xây dựng của từng hạng mục nhà, công trình (thứ tự ghi theo bản vẽ) được thống nhất xác định như sau:

TT	**Tên cấp nhà, công trình** *(Theo thứ tự hạng mục của bản vẽ)*	ĐVT	Khối lượng	Thời điểm xây dựng theo giấy tờ tự kê khai	Số thửa	Tờ bản đồ	Ghi chú

II. Nội dung:

1. Về đất đai:

TT	*Theo bản đồ địa chính*				*Theo bản đồ địa chính khu đất*				Diện tích thu hồi (m^2)		Diện tích bồi thường, hỗ trợ (m^2)							Giấy tờ pháp lý	Thời điểm bắt đầu sử dụng theo giấy tờ/ tự kê khai	Vị trí đất
	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m^2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m^2)	Loại đất			Diện tích đất ở		Diện tích đất nông nghiệp			Diện tích đất phi nông nghiệp không phải là đất ở				
									Trong quy hoạch	Ngoài QH thu hồi luôn	Bồi thường đất ở	Hỗ trợ như đất ở	Bồi thường	Hỗ trợ	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất	Bồi thường đất	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất			
09	17	352	115,9	ONT +BHK	03	352	115,9	ONT +BHK	100,8									Giấy CN-QSDĐ	2009	VT1

2. Về nhà, công trình phục vụ đời sống, sản xuất và công trình khác:

2.1. Nhà ở, công trình, vật kiến trúc: Có Bản vẽ mô tả kết cấu, phân cấp và tính toán khối lượng từng hạng mục và Bảng kết quả kiểm tra khối lượng, phân cấp và xác định thời điểm xây dựng nhà, công trình như Biểu số 5 và Phụ lục số 4a kèm theo.

Về thời điểm xây dựng của từng hạng mục nhà, công trình (thứ tự ghi theo bản vẽ) được thống nhất xác định như sau:

TT	**Tên cấp nhà, công trình** *(Theo thứ tự hạng mục của bản vẽ)*	ĐVT	Khối lượng	Thời điểm xây dựng theo giấy tờ tự kê khai	Số thửa	Tờ bản đồ	Ghi chú

2.2. Các loại công trình, tài sản phục vụ đời sống, sản xuất khác (mô tả cụ thể loại tài sản, số lượng, các loại giấy tờ hợp đồng, đăng ký kinh doanh, ... (nếu có)):.....

3. Về cây cối, hoa màu:

TT	Loại cây cối hoa màu *(Mô tả loại cây, quy cách, đường kính của cây lâu năm)*	ĐVT	Số lượng	Thời gian trồng cây theo giấy tờ tự kê khai	Số thửa	Tờ bản đồ	Ghi chú

(Trường hợp có số lượng cây cối, hoa màu nhiều thì có Phiếu kiểm kê cây cối, hoa màu như Phụ lục số 4b kèm theo; tổng số tờ phụ lục: ..... tờ).

4. Về mồ mả:

TT	Loại mộ *(Mô tả cụ thể loại mộ)*	Thời gian mai táng theo giấy tờ tự kê khai	ĐVT	Số lượng	Số thửa	Tờ BĐ	Ghi chú
01	Mộ đất bình thường dựng bia đá	Trước 1975	cái	01	412	03	

5. Về con vật nuôi *(Đối với trường hợp bị ảnh hưởng do phải thu hoạch sớm)*:

TT	Chủng loại và đặc điểm	ĐVT	Số lượng	Thời điểm bắt đầu nuôi theo giấy tờ tự kê khai	Thời điểm thu hoạch	Số thửa	Tờ bản đồ	Ghi chú

(Việc tính toán bồi thường, hỗ trợ thực tế phần tài sản này sẽ được xác định lại khi phương án bồi thường được phê duyệt)

6. Về tình hình nhân khẩu, độ tuổi, nghề nghiệp, việc làm của nhân khẩu trong hộ *(theo Sổ hộ khẩu gia đình và có giấy tờ chứng minh):*

6.1. Số Sổ hộ khẩu: 490218547; tên chủ hộ: Nguyễn Thị Dần ; tổng số nhân khẩu thực tế của hộ tại thời điểm kê khai: 05 người;

6.2. Số nhân khẩu của hộ còn trong độ tuổi lao động (Nam từ 18 đến 60 tuổi, Nữ từ 18 đến 55 tuổi) có nhu cầu được đào tạo nghề, chuyển đổi nghề ..... người và xin việc làm: ..... người; cụ thể *(theo mẫu dưới đây).*

TT	Họ và tên nhân khẩu có trong hộ	Giới tính	Năm sinh	Quan hệ với chủ hộ	Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Tình trạng việc làm	Hưởng lương NSNN	Nguyện vọng *(Ghi có/không vào ô đăng ký)*		Ghi chú
									Xin việc	Học nghề	
01	Nguyễn Thị Dần	Nữ	1931	Chủ hộ							
02	Ngô Đình Sĩ	Nam	1969	Con							
03	Nguyễn Thị Huỳnh	Nữ	1967	Con dâu							
04	Ngô Văn Thưởng	Nam	1991	Cháu							
05	Ngô Thị Như Trúc	Nữ	1996	Cháu							

6.3. Gia đình chính sách *(Ghi cụ thể: Liệt sỹ, thương bệnh binh, hộ nghèo,....; số sổ, hạng thương binh, quan hệ với người kê khai):* .....

7. Nguyện vọng về tái định cư: *Đánh dấu (X) vào 1 trong 3 ô đăng ký dưới đây, ô không đăng ký thì ghi (0).*

- Vào khu tái định cư tập trung theo quy hoạch: ☐ .....
- Nhận tiền hỗ trợ để tự lo chỗ ở (tái định cư tự do): ☐ ; trong tỉnh Quảng Ngãi: .....; ngoài tỉnh Quảng Ngãi: .....
- Dịch chuyển về phần đất ở còn lại: ☐ ; diện tích còn lại của thửa đất ở là: Đất ở: ..... m^2, đất vườn: .....m^2.

8. Ý kiến của chủ hộ liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

.....

.....

.....

9. Các giấy tờ đính kèm *((Ghi rõ các loại giấy tờ pháp lý về đất, nhà, hộ khẩu, gia đình chính sách, chứng nhận kinh doanh,... do Chủ hộ cung cấp bản photocopy; Cán bộ kiểm kê chịu trách nhiệm đối chiếu với bản chính và xác nhận sao y đúng bản chính).*

1. ..... Giấy CN - QSDĐ (bản photocopy) ..... 2. ..... Sổ hộ khẩu (bản photocopy) .....
3. ... Chứng minh nhân dân (bản photocopy) ..... 4. .....

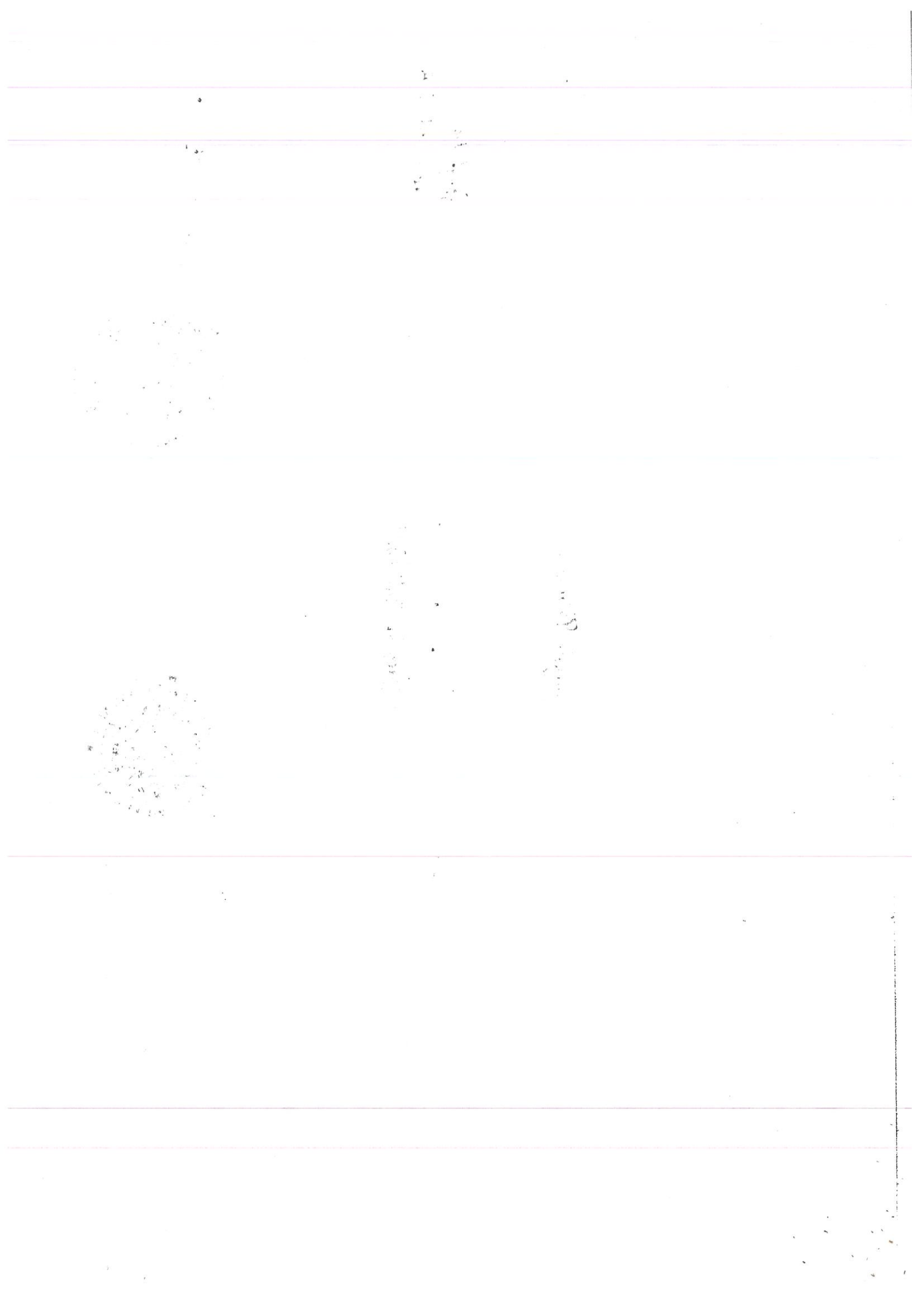
Biên bản lập xong lúc .... giờ ... phút cùng ngày, nội dung được đoàn kiểm kê và chủ hộ thống nhất ký tên. Biên bản được lập thành 01 bản gốc do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giữ; chủ hộ, Chủ đầu tư dự án và UBND cấp xã mỗi bên giữ 01 bản photo./.

CHỦ HỘ	TRƯỞNG THÔN/TDP	ĐẠI DIỆN HỘ DÂN CÓ ĐẤT BỊ THU HỒI
Ngô Đình Sĩ	Nguyễn Tấn Hải	Lý Lũy Chỉ

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA KIỂM KÊ

Đỗ Cao Nhậm — Đoàn Thị Hà Vy — Mỹ Mạc Giác — Nguyễn Hải Triều — Đỗ Trần Minh Đăng — Trương Như Tuân

CÁN BỘ ĐỊA CHÍNH	XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ TỊNH ẤN TÂY	BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT TỈNH QUẢNG NGÃI
	CHỦ TỊCH	KT. GIÁM ĐỐC
		PHÓ GIÁM ĐỐC
Lâm Phương Bình	Nguyễn Ngọc Thanh	Đỗ Vũ Bảo



UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT

Số: /PKK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Tịnh Ấn Tây, ngày .....tháng.....năm 20...

PHIẾU KIỂM KÊ CÂY CỐI, HOA MÀU, MỒ MẢ VÀ TÀI SẢN KHÁC

Kèm theo Biên bản kiểm kê đất đai và tài sản bị thiệt hại để thực hiện Dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong

Họ và tên chủ sở hữu tài sản:.....; Sinh năm: .....

CMND số: ....., Nơi cấp:..... Ngày cấp ...../... ./.....

Họ và tên vợ (chồng) của CSH tài sản:.....; Sinh năm.....

CMND số: ....., Nơi cấp:..... Ngày cấp ...../... ./.....

Họ và tên người được ủy quyền *(nếu có)*: .....; Sinh năm:.....

CMND số: ....., Nơi cấp: ..... Ngày cấp ...../... ./.....

TT	Loại cây cối, hoa màu, mồ mả, tài sản khác	ĐVT	Số lượng	Thời gian	Số thửa	Tờ BĐ	Ghi chú
1	- TR8: 10,9 x 1,9				344		
2	- TR5: (15 + 11,3) x 2,5				344		
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
11							
12							
13							
14							
15							
16							
17							
18							
19							
20							

TT	Loại cây cối, hoa màu, mồ mả, tài sản khác	ĐVT	Số lượng	Thời gian	Số thửa	Tờ BĐ	Ghi chú
21							
22							
23							
24							
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

Phiếu được lập thành 03 liên, 01 liên giao cho chủ hộ, 01 liên để Tổ chức làm bồi thường, GPMB lưu, liên gốc được đính kèm theo Biên bản kiểm kê của chủ hộ./.

Chủ sở hữu tài sản (hoặc người được ủy quyền)

Ngô Đình Sĩ

Xác nhận của UBND xã Tịnh Ấn Tây

Các thành viên tham gia kiểm kê

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT

Số: /PKK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Tịnh Ấn Tây, ngày .....tháng.....năm 20...

PHIẾU KIỂM KÊ CÂY CỐI, HOA MÀU, MỒ MẢ VÀ TÀI SẢN KHÁC

Kèm theo Biên bản kiểm kê đất đai và tài sản bị thiệt hại để thực hiện Dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong

Họ và tên chủ sở hữu tài sản:.....; Sinh năm: .....

CMND số: ....., Nơi cấp:..... Ngày cấp ...../.../.....

Họ và tên vợ (chồng) của CSH tài sản:.....; Sinh năm.....

CMND số: ....., Nơi cấp:..... Ngày cấp ...../.../.....

Họ và tên người được ủy quyền *(nếu có)*: .....; Sinh năm:.....

CMND số: ....., Nơi cấp: ..... Ngày cấp ...../.../.....

TT	Loại cây cối, hoa màu, mồ mả, tài sản khác	ĐVT	Số lượng	Thời gian	Số thửa	Tờ BĐ	Ghi chú
1	- Chuối đang cho buồng	cây	70		352		
2	- Chuối chưa cho buồng		40		352		
3	- Cây con trong bụi chuối		40		352		
4	- Chuối đang buồng		10		344		
5	- Chuối chưa cho buồng		20		344		
6	- Chuối con trong bụi		20		344		
7	- Thanh long đã cho quả		110		352		
8	- Thanh long chưa cao >0,5m		190		352		
9	- Thanh long chưa cao <0,5m		102		352		
10	- Thanh long đã cho quả		95		349		
11	- Thanh long chưa cao >0,5m		210		349		
12	- Thanh long chưa cao <0,5m		80		349		
13	- Thiên mộc lan		150		352		
14	- Cam ghép mới trồng		30		346		
15	- Cau mới trồng, chưa cao <		30		352		
16	0,5m						
17	- Mít đã cho quả, Ø gốc		14		344		
18	20-30 cm						
19	- Mít đã chưa cho quả, chưa		45		344		
20	cao < 1,0 m						

TT	Loại cây cối, hoa màu, mồ mả, tài sản khác	ĐVT	Số lượng	Thời gian	Số thửa	Tờ BĐ	Ghi chú
21	- Mít chưa cho quả, chưa cao		80		344		
22	> 1,0 m						
23	- Xoài ghép chưa cho quả		4		352		
24	- Tre già đã sử dụng được		320		349		
25	- Tre xanh chưa già		40		349		
26	- Tre mới trồng		120		349		
27	- Tre già đã sử dụng được		290		346		
28	- Tre già ~~đã sử dụ~~ chưa già		70		346		
29	- Tre mới trồng		96		346		
30	- Tuổi đã cho quả		80		345		
31	- Tuổi chưa cho quả		30		345		
32	- Ổi đã cho quả		19		345		
33	- Ổi chưa cho quả		30		345		
34	- Đào đã cho quả		105		352		
35	- Đào chưa cho quả		280		352		

Phiếu được lập thành 03 liên, 01 liên giao cho chủ hộ, 01 liên để Tổ chức làm bồi thường, GPMB lưu, liên gốc được đính kèm theo Biên bản kiểm kê của chủ hộ./.

Chủ sở hữu tài sản (hoặc người được ủy quyền)

Ngô Đình Sơ

Xác nhận của UBND xã Tịnh Ấn Tây

Các thành viên tham gia kiểm kê

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
BAN QLDA ĐTXD CÁC CTGT

Số: /PKK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Tịnh Ấn Tây, ngày .....tháng.....năm 20...

PHIẾU KIỂM KÊ CÂY CỐI, HOA MÀU, MỒ MẢ VÀ TÀI SẢN KHÁC

Kèm theo Biên bản kiểm kê đất đai và tài sản bị thiệt hại để thực hiện
Dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong

Họ và tên chủ sở hữu tài sản:.....; Sinh năm: .....
CMND số: ....., Nơi cấp:..... Ngày cấp ...../.../.....
Họ và tên vợ (chồng) của CSH tài sản:.....; Sinh năm.....
CMND số: ....., Nơi cấp:..... Ngày cấp ...../.../.....
Họ và tên người được ủy quyền *(nếu có)*: .....; Sinh năm:.....
CMND số: ....., Nơi cấp: ..... Ngày cấp ...../.../.....

TT	Loại cây cối, hoa màu, mồ mả, tài sản khác	ĐVT	Số lượng	Thời gian	Số thửa	Tờ BĐ	Ghi chú
1	- Keo : Ø gốc > 14 cm	cây	9		344		
2	- Keo : Ø gốc : 3 - 7 cm		25		344		
3	- Dâu tằm :	bụi	95		344		
4	- Mai xuân : Ø gốc : 3 - 5 cm		80		349		
5	- Cỏ voi	m^2	120		349		
6	- Sả	m^2	5		349		
7	- Cỏ voi		180		346		
8	- Sả		7		346		
9	- Cỏ voi		180		345		
10	- Sả		7		345		
11							
12							
13							
14							
15							
16							
17							
18							
19							
20							

TT	Loại cây cối, hoa màu, mồ mả, tài sản khác	ĐVT	Số lượng	Thời gian	Số thửa	Tờ BĐ	Ghi chú
21							
22							
23							
24							
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

Phiếu được lập thành 03 liên, 01 liên giao cho chủ hộ, 01 liên để Tổ chức làm bồi thường, GPMB lưu, liên gốc được đính kèm theo Biên bản kiểm kê của chủ hộ./.

Chủ sở hữu tài sản (hoặc người được ủy quyền)

Xác nhận của UBND xã Tịnh Ấn Tây

Các thành viên tham gia kiểm kê

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ TỊNH ẤN TÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAI
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG PHỤ LỤC XÁC NHẬN CHỦ SỬ DỤNG, DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, VỊ TRÍ VÀ NGUỒN GỐC SỬ DỤNG ĐẤT
Dự án: Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong
Địa điểm: Xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

TT	Họ và tên chủ quản lý, sử dụng đất	Thông tin, số liệu bản đồ đo vẽ hiện trạng TL: 1/2000						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 1995)						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 2016)						Vị trí/ khu vực	Nguồn gốc sử dụng đất	Ghi ch
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích quy hoạch (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	15	16	17	18	19	20	15	16	17	18	19	20	21	22	24
1	Ông Bùi Văn Hương	1	207	842.3	399.5	442.8	LUC							5	207	842.3	LUC	CS10850	30/12/2017	1	Nhận thừa kế đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	
		1	205	415.1	415.1	-	LUC							5	205	415.1	LUC	CS10849	30/12/2017	1	Nhận thừa kế đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	
2	Ông Bùi Quang Phú	1	1052	659.3	248.1	411.2	LUC							4	1052	668.2	LUC	CS11517	30/12/2017	1	Nhận tặng cho đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.	
3	Bà Phạm Thúy Thiện	1	1053	630.1	67.0	563.1	LUC							4	1053	577.1	LUC	CS11949	30/12/2017	1	Nhận tặng cho đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.	
		1	114	260.7	209.9	50.8	BHK							5	114	260.7	BHK	CS11950	30/12/2017	1	Nhận tặng cho đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.	
4	Ông Từ Quang Lâm	1	257	1105.1	1105.1	-	LUC							5	257	1,136.4	LUC	CS11051	30/12/2017	1	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.	
5	Hộ bà Từ Thị Lao	2	401	337.4	215.2	122.2	LUC							9	401	337.4	LUC	CS12492	30/12/2017	1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
		2	839	212.8	212.8	-	BHK							9	839	212.8	BHK	CS12494	30/12/2018	1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
		2	843	701.9	701.9	-	BHK							9	843	701.9	BHK	CS12495	30/12/2019	1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
6	Ông Lý Công A (chết) - Thừa kế: Ông Lý Công Chức, ông Lý Công Lân, ông Lý Công Thích, ông Lý Việt Cường, bà Bùi Thị Giàu.	2	540	421.4	421.4	-	BHK	7	1051	400	M	02362	11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
7	Ông Nguyễn Tấn Sinh (chết) - Thừa kế: vợ Bà Nguyễn Thị Nghĩa	2	677	171.2	171.2	-	BHK	7	749	150.0	M	02416	11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
8	Ông Nguyễn Tấn Thọ (chết) - Thừa kế: Ông Nguyễn Tấn Thảo, ông Nguyễn Tấn Sâm, bà Nguyễn Thị Truyền, bà Nguyễn Thị Hạnh, bà Nguyễn Thị Nhung	2	584	355.6	47.3	308.3	BHK	7	590	350	M	02305	11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
		1	334	510.5	172.0	338.5	BHK	7	312	403	M	02306	11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
9	Ông Võ Tấn Hanh (chết) - Thừa kế: Ông Võ Tấn Thạnh, ông Võ Tấn Thư, ông Võ Tấn Tứ, bà Võ Thị Minh Thiện.	2	821	114.1	114.1	-	BHK	7	1035	160	M	02382	11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
10	Ông Huỳnh Tân (chết) - Thừa kế: Ông Huỳnh Công Hùng, ông Huỳnh Công Thành, bà Huỳnh Thị Loan, bà Huỳnh Thị Hà	2	874	297.6	196.0	101.6	LUC	7	563	300	3L	02280	11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	

TT	Họ và tên chủ quản lý, sử dụng đất	Thông tin, số liệu bản đồ đo vẽ hiện trạng TL: 1/2000						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 1995)						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 2016)						Vị trí/ khu vực	Nguồn gốc sử dụng đất	Ghi chú
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích quy hoạch (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	15	16	17	18	19	20	15	16	17	18	19	20	21	22	24
11	Ông Từ Đình Quý (chết) - Thừa kế: Bà Trần Thị Mai, bà Từ Thị Thanh Tuyết, bà Từ Thị Hùng, bà Từ Thị Tùng, bà Từ Thị Bống, ông Từ Đình Tuấn	2	682	214.9	214.9	-	BHK	7	1046	200	M	02264	11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
12	Hộ bà Nguyễn Thị Ngô (chết) - Thừa kế: Ông Võ Văn Nam, ông Võ Văn Thành, bà Võ Thị Việt, ông Võ Nhất Linh, bà Lê Thị Yến, ông Tăng Thành Tuân Hộ khẩu: bà Từ Thị Minh Hoa, ông Võ Văn Tịnh, và Vũ Thị Kiều Trâm, ông Võ Quốc Triều	1	809	305.9	144.3	161.6	BHK	7	311	311	HNK	02898	8/9/2003							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
13	Ông Nguyễn Văn Thanh (chết) - Thừa kế: Ông Nguyễn Văn Xuân, bà Đỗ Thị Nhánh, bà Lê Thị Điền, bà Nguyễn Thị Thúy, bà Nguyễn Thị Kim Phượng, bà Nguyễn Thị Nhật Trâm	2	844	503.6	502.5	1.1	BHK							9	2226	500	BHK	CS05176	30/12/2016	1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
14	Ông Nguyễn Thống Nhất (chết) - Thừa kế: Ông Nguyễn Tấn Hùng	1	102	351.7	239.2	112.5	BHK							7	102	351.7	BHK	CS11415	30/12/2017	1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
		1	241	756.1	754.9	1.2	LUC							5	241	756.1	LUC	CS11413	30/12/2017	1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
		1	307	496.4	64.8	431.6	LUC							5	307	496.4	LUC	CS11414	30/12/2017	1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
15	Ông Bạch Thị Nhạc (chết) - Thừa kế: Ông Nguyễn Tấn Tiên, ông Nguyễn Tấn Tân, ông Nguyễn Tấn Tuấn, ông Nguyễn Tấn Tiến, ông Nguyễn Tấn Tam, bà Nguyễn Thị Thúy, bà Nguyễn Thị Nga, ông Nguyễn Bảo Quốc Duy, bà Nguyễn Thị Hồng Diễm, bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên	1	19	302.4	302.4	-	BHK	3	22	240	M	O0464	11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
		1	322	211.7	169.2	42.5	BHK	3	550	220	M	O0464	11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
		1	53	577.4	14.3	563.1	BHK	3	571	564	M	O0464	11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
16	Ông Nguyễn Thọ(chết)-Thừa kế-Bà Trương Thị Sửu	1	81	422.1	310.6	111.5	BHK	7	44	500	M	O0729	11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	

TT	Họ và tên chủ quản lý, sử dụng đất	Thông tin, số liệu bản đồ đo vẽ hiện trạng TL: 1/2000						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 1995)						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 2016)						Vị trí/ khu vực	Nguồn gốc sử dụng đất	Ghi ch
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích quy hoạch (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	15	16	17	18	19	20	15	16	17	18	19	20	21	22	24
17	Ông Từ Kim Thiện (chết) - Thừa kế: bà Vy Thị Thân, ông Từ Thị Tân, ông Từ Kim Vũ, bà Từ Thị Kim Phượng, ông Từ Kim Quang, bà Từ Thị Thúy Nhẫn, bà Từ Thị Thúy Thạnh, bà Từ Thị Thúy Nga, bà Từ Thị Thúy Cam, ông Từ Kim Việt	1	209	299.5	158.8	140.7	LUC							5	209	299.5	BHK	CS11960	30/12/2017	1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
18	Ông Nguyễn Công Định (chết) - Thừa kế: Bà Vy Thị Xuân, ông Nguyễn Ngọc Thành, ông Nguyễn Ngọc Bộ, ông Nguyễn Ngọc Anh, ông Nguyễn Ngọc Tiến, ông Nguyễn Ngọc Thiệu, ông Nguyễn Ngọc Lâm, ông Nguyễn Ngọc Thế	1	188	1033.8	65.7	968.1	LUC	3	186	1088	3L	O0138	11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
19	Hộ ông Nguyễn Lắm (chết) - Thừa kế: Ông Nguyễn Đình Phong, ông Nguyễn Đình Thục, bà Nguyễn Thị Hòa, bà Nguyễn Thị Hội, ông Nguyễn Đình Nghị, bà Nguyễn Thị Lan, ông Nguyễn Đình Vũ.	2	357	348.4	138.9	209.5	LUC	9	286	352	Lúa	O3005	8/9/2003							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
20	Hộ Bà Lý Thị Sinh (chết) - Thừa kế: Ông Bùi Thanh Sơn, ông Bùi Thanh Chính, bà Bùi Thị Lan, bà Bùi Thị Hòa, bà Bùi Thị Hồng Huệ, bà Bùi Thị Liên, bà Bùi Thị Hồng Luận, bà Bùi Thị Hồng Loan	1	310	259.8	259.8	-	BHK							5	310	259.8	BHK	CS12612	30/12/2017	1	Nhận thừa kế đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	
		1	160	541.3	541.3	-	BHK							5	160	541.3	BHK	CS12611	30/12/2017	1	Nhận thừa kế đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	
		1	882	238.3	166.1	72.2	LUC							4	882	238.3	LUC	CS12608	30/12/2017	1	Nhận thừa kế đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	
21	Bà Phạm Thị Tuyết Minh (chết)- thừa kế-Ông Đặng Hồng Hải	2	828	511.8	511.8	-	LUC	9	283	464	3L	O1594	11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
22	Bà Từ Thị Kim Liên	1	357	1037.5	573.1	464.4	BHK	7	334	990.0	M		11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
		2	360	363.9	197.5	166.4	BHK	7	380	280.0	M		11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
23	Ông Võ Tấn Thạnh	2	820	133.3	133.3	-	BHK	7	754	158	M	O2380	11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
24	Ông Nguyễn Tự	1	180	361.7	318.6	43.1	BHK	7	144	432	M	O2347	11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
		2	583	605.6	605.6	-	BHK	7	693	560	M	O2347	11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	

TT	Họ và tên chủ quản lý, sử dụng đất	Thông tin, số liệu bản đồ đo vẽ hiện trạng TL: 1/2000						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 1995)						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 2016)						Vị trí/ khu vực	Nguồn gốc sử dụng đất	Ghi chú
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích quy hoạch (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	15	16	17	18	19	20	15	16	17	18	19	20	21	22	24
25	Hộ Bà Nguyễn Thị Oanh	1	157	419.1	351.4	67.7	BHK													1	Nguyên thửa đất này được nhà nước cấp theo NĐ 64/CP cho hộ gia đình Bà Nguyễn Thị Oanh, hộ gia đình Bà Nguyễn Thị Oanh sử dụng, canh tác từ năm 1996 đến nay, ổn đinh không có tranh chấp, thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không thuộc quỹ đất công ích của xã	
26	Hộ Bà Dương Thị Diệu Hiền	1	335	454.7	196.5	258.2	BHK													1	Nguyên thửa đất này được nhà nước cấp theo NĐ 64/CP cho hộ gia đình Bà Dương Thị Diệu Hiền, hộ gia đình Bà Dương Thị Diệu Hiền sử dụng, canh tác từ năm 1996 đến nay, ổn đinh không có tranh chấp, thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không thuộc quỹ đất công ích của xã	
27	Ông Nguyễn Quang Quý	1	295	357.2	324.2	33.0	LUC							5	295	357.2	LUC	CS11646	30/12/2017	1	Nhận thừa kế đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	
28	Ông Lý Công Thiết (chết) - Thừa kế: Ông Lý Việt Cường, bà Bùi Thị Giàu	2	616	159.9	89.6	70.3	BHK	7	685	200	M	O2359	11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
29	Hộ Ông Nguyễn Tấn Hữu	3	407	171.9	171.9	-	BHK													1	Nguyên thửa đất này được nhà nước cấp theo NĐ 64/CP cho hộ gia đình Ông Nguyễn Tấn Hữu, hộ gia đình Ông Nguyễn Tấn Hữu sử dụng, canh tác từ năm 1996 đến nay, ổn đinh không có tranh chấp, thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không thuộc quỹ đất công ích của xã.	
30	Hộ Ông Nguyễn Tấn Toàn	3	408	188.7	178.2	10.5	BHK													1	Nguyên thửa đất này được nhà nước cấp theo NĐ 64/CP cho hộ gia đình Ông Nguyễn Tấn Toàn, hộ gia đình Ông Nguyễn Tấn Toàn sử dụng, canh tác từ năm 1996 đến nay, ổn đinh không có tranh chấp, thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không thuộc quỹ đất công ích của xã.	

TT	Họ và tên chủ quản lý, sử dụng đất	Thông tin, số liệu bản đồ đo vẽ hiện trạng TL: 1/2000						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 1995)						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 2016)						Vị trí/ khu vực	Nguồn gốc sử dụng đất	Ghi c
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích quy hoạch (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	15	16	17	18	19	20	15	16	17	18	19	20	21	22	24
		3	17	389.3	389.3	-	BHK	9	557	1240	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 2002, Ông Nguyễn Tấn Toàn chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
		3	18	3,068.2	578.6	2,489.6	BHK	9	552 553 554 555 556 557	584 120 1196 430 516 1240	M CD M M M M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 2002, Ông Nguyễn Tấn Toàn chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định	
31	Bà Bùi Thị Nguyệt và bà Bùi Thị Hiền	1	172	559.5	559.2	0.3	LUC							5	172	559.5	LUC	CS15402	5/30/2019	1	Nhận thừa kế đất, Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.	
32	Ông Phạm Ngọc Dương	2	681	231.0	231.0	-	BHK													1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
33	Ông Đỗ Đình Trọng	2	838	970.5	229.0	741.5	BHK							6	838	970.5	BHK	CS08013	12/30/2017	1	Nguyên Thửa đất cấp cho ông Võ Đình Long sau đó ông chuyển nhượng cho ông Đỗ Đình Trọng và được chỉnh lý trên GCNQSDĐ ngày 18/2/2020	
		2	839	658.4	83.5	574.9	BHK							6	839	658.4	BHK	CS07385	12/30/2017	1	Nguyên Thửa đất cấp cho bà Võ Thị Bê sau đó bà chuyển nhượng cho ông Đỗ Đình Trọng và được chỉnh lý trên GCNQSDĐ ngày 18/2/2020	
34	Ông Nguyễn Ngọc Công	1	879	344.2	14.2	330.0	BHK							7	879	344.2	BHK	CS10377	30/12/2017	1	Nhận thừa kế đất, Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.	
		1	134	191.0	191.0	-	BHK	3	533	864	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 2002, Ông Nguyễn Ngọc Công chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
35	Ông Bùi Xuân Hùng	1	1001	121.3	121.3	-	BHK							7	1001	121.3	BHK	CS16263	29/7/2019	1	Nhận thừa kế đất, Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.	
		1	1002	122.0	122.0	-	BHK							7	1002	122.0	BHK	CS16264	29/7/2019	1	Nhận thừa kế đất, Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.	

TT	Họ và tên chủ quản lý, sử dụng đất	Thông tin, số liệu bản đồ đo vẽ hiện trạng TL: 1/2000						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 1995)						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 2016)						Vị trí/ khu vực	Nguồn gốc sử dụng đất	Ghi chú
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích quy hoạch (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	15	16	17	18	19	20	15	16	17	18	19	20	21	22	24
		1	1003	122.8	99.0	23.8	BHK							7	1003	122.8	BHK	CS16265	29/7/2019	1	Nhận thừa kế đất, Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.	
36	Ông Phạm Đình Lai	1	96	461.4	341.7	119.7	BHK							7	96	461.4	BHK	CS11006	30/12/2017	1	Nhận thừa kế đất, Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.	
		1	208	450.5	431.5	19.0	BHK	7	156	624	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Phạm Đình Lai chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
		1	233	74.3	33.4	40.9	BHK	7	221	64	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Phạm Đình Lai chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
		1	238	85.0	11.2	73.8	BHK	7	222	120	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Phạm Đình Lai chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
37	Ông Bùi Thanh Sơn	1	120	422.1	386.1	36.0	BHK	3	123 551	2305 160	N M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 2000, Ông Bùi Thanh Sơn chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	

TT	Họ và tên chủ quản lý, sử dụng đất	Thông tin, số liệu bản đồ đo vẽ hiện trạng TL: 1/2000						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 1995)						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 2016)						Vị trí/ khu vực	Nguồn gốc sử dụng đất	Ghi ch
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích quy hoạch (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	15	16	17	18	19	20	15	16	17	18	19	20	21	22	24
		1	426	861.9	288.4	573.5	BHK	3	123 549	2305 810	N M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 2000, Ông Bùi Thanh Sơn chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
		1	430	257.3	256.5	0.8	CLN	3	123	2305	N									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 2000, Ông Bùi Thanh Sơn chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
		1	432	397.9	143.7	254.2	CLN	3	123	2305	N									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 2000, Ông Bùi Thanh Sơn chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
38	Hộ Bà Vy Thị Hoa	1	170	205.6	121.8	83.8	BHK													1	Nguyên thửa đất này được nhà nước cấp theo NĐ 64/CP cho hộ gia đình Bà Vy Thị Hoa, hộ gia đình Bà Vy Thị Hoa sử dụng, canh tác từ năm 1996 đến nay, ổn đình không có tranh chấp, thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không thuộc quỹ đất công ích của xã.	
39	Ông Nguyễn Thanh Tùng	1	155	125.4	125.4	-	BHK	7	142	140	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Nguyễn Thanh Tùng chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	

TT	Họ và tên chủ quản lý, sử dụng đất	Thông tin, số liệu bản đồ đo vẽ hiện trạng TL: 1/2000						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 1995)						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 2016)						Vị trí/ khu vực	Nguồn gốc sử dụng đất	Ghi chú
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích quy hoạch (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	15	16	17	18	19	20	15	16	17	18	19	20	21	22	24
		1	156	81.8	61.4	20.4	BHK	7	142	140	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Nguyễn Thanh Tùng chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
40	Ông Hồ Minh Khanh	2	688	283	32.3	250.7	BCS													1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1995, Ông Hồ Minh Khanh chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
41	Ông Vương Quang Nơi	2	2	82.0	12.3	69.7	LUC	7	891	774	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Vương Quang Nơi chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
42	Ông Phạm Phương	1	56	1298.7	1096.8	201.9	BHK	3	69	1336	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Phạm Phương chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	

TT	Họ và tên chủ quản lý, sử dụng đất	Thông tin, số liệu bản đồ đo vẽ hiện trạng TL: 1/2000						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 1995)						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 2016)						Vị trí/ khu vực	Nguồn gốc sử dụng đất	Ghi c
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích quy hoạch (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	15	16	17	18	19	20	15	16	17	18	19	20	21	22	24
43	Ông Huỳnh Tấn Tùng	1	5	991.5	141.6	849.9	BHK	3	27 28	432 512	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Huỳnh Tấn Tùng chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
44	Ông Phạm Văn Thành	1	74	233.6	233.6	-	BHK	7	19	224	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Phạm Văn Thành chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
45	Bà Nguyễn Thị Huệ	1	746	159.2	133.1	26.1	BHK	7	1065	180	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Bà Nguyễn Thị Huệ chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
46	Ông Nguyễn Văn Lợi	1	270	227.7	227.2	0.5	BHK													1	Nguyên thửa đất này có nguồn gốc theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Nguyễn Văn Lợi chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	

TT	Họ và tên chủ quản lý, sử dụng đất	Thông tin, số liệu bản đồ đo vẽ hiện trạng TL: 1/2000						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 1995)						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 2016)						Vị trí/ khu vực	Nguồn gốc sử dụng đất	Ghi chú
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích quy hoạch (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	15	16	17	18	19	20	15	16	17	18	19	20	21	22	24
47	Bà Nguyễn Hồng Diễm	1	50	721.6	259.0	462.6	BHK	7	14	654	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 2003, Bà Nguyễn Hồng Diễm chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
48	Ông Lê Hảo	1	226	556.3	400.7	155.6	LUC	3	309	582	3L									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Lê Hảo chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
49	Ông Lương Quang Tuấn	2	170	433.4	273.2	160.2	BHK	9	1169	432	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Lương Quang Tuấn chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
50	Ông Nguyễn Chính	3	9	124.1	5.9	118.2	BHK	9	411	130	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1980, Ông Nguyễn Chính chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
51	Ông Nguyễn Tấn Tùng	2	183	235.1	158.4	76.7	LUC	9	1151	676	3L									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 2003, Ông Nguyễn Tấn Tùng chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	

TT	Họ và tên chủ quản lý, sử dụng đất	Thông tin, số liệu bản đồ đo vẽ hiện trạng TL: 1/2000						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 1995)						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 2016)						Vị trí/ khu vực	Nguồn gốc sử dụng đất	Ghi ch
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích quy hoạch (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	15	16	17	18	19	20	15	16	17	18	19	20	21	22	24
		2	1038	910.7	367.7	543.0	CLN	7	730 731 866 867	40 96 540 540	M									1	Nguồn gốc các thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 2003, Ông Nguyễn Tấn Tùng chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
		2	726	423.7	230.1	193.6	CLN	7	866 867	540 540	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 2003, Ông Nguyễn Tấn Tùng chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
		2	1	802.2	123.3	678.9	CLN	7	863 891 892 894	500 774 576 352	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 2003, Ông Nguyễn Tấn Tùng chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
52	Ông Hồ Hữu Hiệp	2	684	181.5	178.3	3.2	CLN													1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Hồ Hữu Hiệp chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
		2	685	184.7	167.9	16.8	BCS													1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Hồ Hữu Hiệp chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	

TT	Họ và tên chủ quản lý, sử dụng đất	Thông tin, số liệu bản đồ đo vẽ hiện trạng TL: 1/2000						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 1995)						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 2016)						Vị trí/ khu vực	Nguồn gốc sử dụng đất	Ghi chú
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích quy hoạch (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	15	16	17	18	19	20	15	16	17	18	19	20	21	22	24
53	Ông Võ Đình Liệu	1	210	302.4	62.9	239.5	BCS													1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Võ Đình Liệu chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
		1	209	783.3	135.4	647.9	BHK	7	155	528	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Võ Đình Liệu chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
		1	182	243.2	72.6	170.6	BHK	7	156	624	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Võ Đình Liệu chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
54	Ông Phạm Luân	2	879	348.0	110.6	237.4	CLN	7	565 566	100 194	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Phạm Luân chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
		2	912	962.9	16.4	946.5	BHK	7	567 579 580	336 272 208	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Phạm Luân chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	

TT	Họ và tên chủ quản lý, sử dụng đất	Thông tin, số liệu bản đồ đo vẽ hiện trạng TL: 1/2000						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 1995)						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 2016)						Vị trí/ khu vực	Nguồn gốc sử dụng đất	Ghi ch
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích quy hoạch (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	15	16	17	18	19	20	15	16	17	18	19	20	21	22	24
55	Ông Đặng Văn Hội	2	282	587.1	323.2	263.9	LUC	9	271 1174	336 296	3L									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1990, Ông Đặng Văn Hội chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
56	Ông Đỗ Ngọc Thanh	2	301	662.7	378.7	284.0	LUC	9	270	615	3L									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Đỗ Ngọc Thanh chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
57	Ông Dương Ngọc Sẵn	2	61	651.0	550.8	100.2	LUC	12	4 5	984 512	3L									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Dương Ngọc Sẵn chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
58	Ông Lê Cao Mai	2	724	628.6	436.3	192.3	LUC	12	6	1256	3L									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 1996, Ông Lê Cao Mai chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
59	Bà Bùi Thị Thu	1	54	280.9	102.6	178.3	BHK							5	54	280.9	BHK	CS 10847	30/12/2017	1	Nguyên thửa đất cấp theo NĐ 64/cp cho ông Bùi Văn Hương , sau đó ông tặng cho Bà Bùi Thị Thu được UBND xã Tịnh Ấn Tây chứng thực ngày 28/10/2019 nhưng chưa được sang tên trên giấy CNQSDĐ	

TT	Họ và tên chủ quản lý, sử dụng đất	Thông tin, số liệu bản đồ đo vẽ hiện trạng TL: 1/2000						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 1995)						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 2016)						Vị trí/ khu vực	Nguồn gốc sử dụng đất	Ghi chú
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích quy hoạch (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	15	16	17	18	19	20	15	16	17	18	19	20	21	22	24
60	Ông Vy Văn Chúng	1	95	207.8	156.3	51.5	BHK							5	95	207.8	BHK	CS11476	30/12/2017	1	Nguyên thửa đất cấp theo NĐ 64/cp cho bà Nguyễn Thị Ninh , sau đó tặng cho ông Vy Văn Chúng được UBND xã Tịnh Ấn Tây chứng thực ngày 25/10/2019 nhưng chưa được sang tên trên giấy CNQSDĐ	
		1	153	637.5	333.9	303.6	BHK							5	153	637.5	BHK	CS11477	30/12/2017	1	Nguyên thửa đất cấp theo NĐ 64/cp cho bà Nguyễn Thị Ninh , sau đó tặng cho ông Vy Văn Chúng được UBND xã Tịnh Ấn Tây chứng thực ngày 25/10/2019 nhưng chưa được sang tên trên giấy CNQSDĐ	
61	Ông Bùi Văn Tín	1	108	288.9	174.2	114.7	BHK							5	108	288.9	BHK	CS10848	30/12/2017	1	Nguyên thửa đất cấp theo NĐ 64/cp cho ông Bùi Văn Hương , sau đó ông tặng cho ông Bùi Văn Tín được UBND xã Tịnh Ấn Tây chứng thực ngày 28/10/2019 nhưng chưa được sang tên trên giấy CNQSDĐ	
62	Hộ bà Nguyễn Thị Ba (chết) - thừa kế Ông Phan Văn Kết	1	206	539.6	262.2	277.4	LUC	3	289	512.0	Lúa	02956	8/9/2003							1	Nguyễn thửa đất được cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Ba theo NĐ 64/CP, sau đó thừa kế lại cho ông Phan Văn Kết	
63	Ông Nguyễn Tiềm (chết) - thừa kế Ông Nguyễn Văn Lập	1	277	1091.6	1023.7	67.9	LUC							5	277	991.8	LUC	CS12085	30/12/2017	1	Nguyễn thửa đất được cấp cho hộ ông Nguyễn Tiềm theo NĐ 64/CP, sau đó thừa kế lại cho ông Nguyễn Văn Lập	
64	Ông Lê Minh Đức	1	118	674.0	467.2	206.8	BHK							7	118	674.0	BHK	CS11171	30/12/2017	1	Nguyên thửa đất này do nhà nước cấp cho ông Phạm Luân theo NĐ 64/CP, đến năm 2017 ông Phạm Luân chuyển nhượng cho Ông Lê Minh Vương. Tháng 10 năm 2019, ông Lê Minh Vương tặng cho ông Lê Minh Đức	
65	Bà Võ Thị Bông	2	361	550.0	299.1	250.9	BHK	7	378	550	M	02121	11/11/1996							1	Nhận thừa kế đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	
66	Ông Nguyễn Tấn Dũng	2	385	664.0	375.8	288.2	BHK	7	379	664	M	02186	11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
67	Ông Nguyễn Kim Hoàng	2	386	600.0	374.2	225.8	BHK	7	376	600	M	02182	11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
68	Ông Bùi Thái (chết) - Thừa kế: Bà Nguyễn Thị Thanh Liêm, ông Bùi Nghĩa Bình, ông Bùi Vinh Quang, bà Bùi Thị Mỹ Dung, bà Bùi Thị Thanh Hương, bà Bùi Thị Thanh Nga	2	415	562.9	380.0	182.9	BHK	7	467	612	M	02186	11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
69	Ông Lê Văn Hạnh	2	416	1063.3	713.4	349.9	BHK	7	467	1048	ĐRM	02214	4/25/2004							1	Nguyên Thửa đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Vàng sau đó bà chuyển nhượng cho ông Lê Văn Hạnh và chưa được chỉnh lý trên CGNQSDĐ	
70	Ông Nguyễn Anh Tuấn	2	627	416.7	342.2	74.5	BHK							7	627	416.7	BHK	CS05796	16/8/2017	1	Được tặng cho đất Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	

TT	Họ và tên chủ quản lý, sử dụng đất	Thông tin, số liệu bản đồ đo vẽ hiện trạng TL: 1/2000						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 1995)						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 2016)						Vị trí/ khu vực	Nguồn gốc sử dụng đất	Ghi chú
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích quy hoạch (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	15	16	17	18	19	20	15	16	17	18	19	20	21	22	24
71	Bà Võ Thị Tầm(chết)-thừa kế Bà Lê Thị Xuân Thu, bà Nguyễn Thị Thu Tiên, bà Nguyễn Thị Ánh Quỳnh	2	807	88,9	6,2	82,7	BHK	7	694	80	M	01341	11/11/1996							1	Nguyên thửa đất cấp theo NĐ 64/CP cho bà Võ Thị Tầm	
72	Bà Nguyễn Thị Ánh Giáo	2	833	695,7	502,4	193,3	BHK							7	833	695,7	BHK	CS 07885	30/12/2017	1	Nguyên thửa đất cấp cho ông Nguyễn Kiệt sau đó chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Ánh Giáo nhưng chưa chỉnh lý giấy CNQSDĐ	
73	Hộ Bà Trần Thị Nhơn	2	873	85,3	17,8	67,5	BHK														Đất cấp theo NĐ 64/CP	
74	Hộ bà Trần Thị Lùng(chết)-thừa kế Ông Võ Tấn Duy	2	427	142,4	17,8	124,6	LUC							9	427	142,4	LUC	CS 12505	30/12/2017	1	Nhận thừa kế thừa đất từ hộ bà Trần Thị Lùng	
		2	720	457,5	424,6	32,9	BHK							9	720	457,5	BHK	CS 12507	30/12/2017	1	Nhận thừa kế thừa đất từ hộ bà Trần Thị Lùng	
75	Bà Cao Thị Trị	2	35	576,1	508,4	67,7	BHK	9	1045	552	M	01630	11/11/1996							1	Đất cấp theo NĐ 64/CP	
76	Ông Ngô Đình Sĩ bà Nguyễn Thị Huỳnh	3	413	176,6	176,6	-	BHK							17	344	180,8	BHK	CS 14897	19/32019	1	Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	
		3	345	100,1	100,1		BHK							17	345	100,1	BHK	CS 14890	19/32019	1	Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	
		3	346	105,0	105,0		BHK							17	346	105,0	BHK	CS 14889	19/32019	1	Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	
		3	347	111,9	111,9		BHK							17	347	111,9	BHK	CS 14891	19/32019	1	Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	
		3	348	109,8	109,8		BHK							17	348	109,8	BHK	CS 14892	19/32019	1	Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	
77	Ông Phan Nguyên Tin	1	18	340,0	148,9	191,1	BHK							7	18	374,7	BHK	CS15135	17/4/2019	1	Nhận thừa kế thừa đất	
78	Ông Bùi Văn Cường	1	135	80,5	29,9	50,6	BHK	3	533	864	M									1	Nguồn gốc thửa đất trên theo sổ mục kê là đất ủy ban nhân dân xã quản lý và không thuộc quỹ đất công ích của xã. Thực hiện Nghị định 64/CP thửa đất trên không được đưa vào cân đối để cấp đất cho hộ dân. Đến năm 2000, Ông Bùi Văn Cường chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
79	Ông Lý Công Lân	3	14	209,3	209,3	-	BHK														Nguyên thửa đất này thuộc phần đất giao thông hào phía đông thửa đất số 558 tờ bản đồ số 9, đo vẽ năm 1996, ông Lý Công Lân đã cải tạo và sử dụng cho đến nay và được UBND xã công nhận quyền sử dụng đất cho ông Lý Công Lân	

TT	Họ và tên chủ quản lý, sử dụng đất	Thông tin, số liệu bản đồ đo vẽ hiện trạng TL: 1/2000						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 1995)						Theo bản đồ địa chính cấp GCNQSDĐ (đo vẽ theo bản đồ năm 2016)						Vị trí/ khu vực	Nguồn gốc sử dụng đất	Ghi chú
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích quy hoạch (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Loại đất	Số sổ	Ngày cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	15	16	17	18	19	20	15	16	17	18	19	20	21	22	24
80	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	2	384	452.2	273.7	178.5	BHK	7	377	520	M										Nguồn gốc thửa đất trên là đất được cấp theo Nghị định 64-CP cho ông Nguyễn Văn Dũng, đến năm 1998 ông Nguyễn Văn Dũng đi định cư ở Mỹ và bàn giao lại thửa đất trên cho UBND xã Tịnh Ấn Tây. Đến năm 2000, Bà Nguyễn Thị Thu Thuỷ chiếm dụng để canh tác, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, sử dụng từ đó đến nay ổn định.	
81	Ông Lữ Đình Tín	2	472	571.8	28.5	543.3	BHK							7	472	571.8	BHK	CS 08512	30/12/2017		Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	
	Tổng cộng																					

Tịnh Ấn Tây, ngày 14 tháng 9 năm 2020

CÁN BỘ ĐỊA CHÍNH - XÂY DỰNG

Lâm Phương Bình

TM.UBND XÃ TỊNH ẤN TÂY

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Thanh